

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ THANH TÂM

**CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN
PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ THANH TÂM

**CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN
PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN KHẮC HẢI

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kì công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Trần Thị Thanh Tâm

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI PHẠM DO

VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG 10

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC TỘI DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG 10

1.1.1. Khái niệm các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đảng 10

1.1.2. Khái niệm về tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đảng 22

1.1.3. Đặc điểm của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đảng 25

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG 29

1.2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 29

1.2.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985 32

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 38

1.2.4. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay 40

1.3. CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC 42

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga 42

1.3.2. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 45

1.3.3. Bộ luật hình sự Thụy Điển 47

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TẠI TÂY NGUYÊN.....	50
2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG	50
2.1.1. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 – Bộ luật hình sự)	50
2.1.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 – Bộ luật hình sự)	54
2.2. THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2014.....	58
2.2.1. Tình hình chính trị, kinh tế xã hội trên địa bàn Tây Nguyên.....	58
2.2.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.....	59
2.3. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG.....	63
Chương 3: SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG	78
3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG VÀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG	78
3.2. CƠ SỞ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG.....	80
3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG.....	84

3.3.1.	Quy định văn bản hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu căn cứ xác định hành vi chống trả của người phòng vệ được coi là cần thiết	84
3.3.2.	Quy định chế định phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành thành một phần riêng, tách biệt ra với phần quy định trong Chương tội phạm cùng với các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác	86
3.3.3.	Sửa đổi quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng cụ thể hóa các trường hợp được quyền phòng vệ	87
3.3.4.	Quy định cụ thể gây thương tích cho nhiều người và “làm chết nhiều người” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành và giảm mức hình phạt đối với các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.....	90
3.3.5.	Hình phạt tù trong các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên giảm xuống để thể hiện rõ hơn chính sách hình sự của nhà nước về các trường hợp phạm tội này. Ngoài ra cần cụ thể hóa số nạn nhân để tiện cho việc áp dụng pháp luật	92
3.3.6.	Quy định hướng dẫn rõ ràng hơn về vấn đề phương tiện và phương pháp của người phòng vệ và người xâm hại.....	93
3.3.7.	Không quy định tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS	94
	KẾT LUẬN	96
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật hình sự
DTTS:	Dân tộc thiểu số
LHS:	Luật hình sự
TAND:	Tòa án nhân dân
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 2.1:	Bảng thông kê số vụ án giết người mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014	59
Bảng 2.2:	Bảng thông kê số vụ án giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014	60
Bảng 2.3:	Thông kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014	60
Bảng 2.4:	Bảng thông kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014	61
Bảng 2.5:	Bảng thông kê số vụ án về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đã đưa ra xét xử từ năm 2010 đến năm 2014	63

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phòng vệ chính đáng là quyền rất quan trọng được ghi nhận trực tiếp hay gián tiếp trong các văn bản pháp luật của Việt Nam, mà đậm nét nhất là trong Bộ luật hình sự. Quyền phòng vệ tồn tại trên cơ sở quyền vốn có là quyền con người, ngoài ra đây còn là quyền quan trọng góp phần đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, giúp cho Bộ luật hình sự đạt được mục đích và nhiệm vụ, góp phần gìn giữ những giá trị được thừa nhận chung của xã hội.

Về mặt lập pháp thì quyền phòng vệ chính đáng đã được ghi nhận rõ nét đặc biệt là từ khi xuất hiện Bộ luật hình sự năm 1985. Cho đến Bộ luật hình sự hiện hành năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 thì những quy định này đã được chỉnh sửa để phù hợp hơn với thực tiễn và tạo điều kiện cho việc phát huy trên thực tế. Bằng quy định này, pháp luật cho phép công dân được quyền chống trả lại các hành vi xâm hại các lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, để ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền phòng vệ xâm phạm tính mạng sức khỏe, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Bộ luật hình sự quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết định tội của hai tội danh, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên trong lần sửa đổi sắp tới thì việc hoàn thiện các quy định về phòng vệ chính đáng, cũng như các tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vẫn được đặt ra.

Về mặt lý luận, phòng vệ chính đáng luôn là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu do những cách hiểu và các quan điểm khác nhau đặt ra từ hoạt động lập pháp cũng như áp dụng pháp luật. Từ những nhận thức về thời điểm

xuất hiện quyền phòng vệ đến bản chất, đặc điểm, cách gọi của quyền phòng vệ vẫn còn đang có những quan điểm gây tranh cãi như phòng vệ hay tự vệ, chính đáng hay cần thiết v.v...

Về mặt thực tiễn, phòng vệ chính đáng trên thực tế đã và đang phát huy những tác dụng tích cực. Tuy nhiên vẫn còn có nhận thức chưa đúng khiến cho việc sử dụng quyền này từ phía người tự vệ lẫn việc áp dụng những quy định trong Bộ luật hình sự về quyền phòng vệ chính đáng này còn nhiều vấn đề trên thực tế, làm giảm hiệu quả của việc bảo vệ quyền con người, lợi ích của xã hội, cũng như giảm hiệu quả của Bộ luật hình sự. Tây Nguyên là địa bàn có mật bằng dân trí còn thấp so với các vùng miền khác của cả nước đặc biệt là sự hiểu biết pháp luật. Trong xử lý các quan hệ xã hội, người dân vẫn xử sự theo các phong tục, tập quán trước đây còn nhiều, dẫn đến tình trạng xâm phạm tính mạng sức khỏe của người khác do hành vi vi phạm pháp luật của nạn nhân vẫn xảy ra phổ biến. Nhưng với quy định của pháp luật hiện hành, cũng như thiếu vắng các giải thích chính thức dẫn tới những tiêu chí để xác định phòng vệ chính đáng không cụ thể, rõ ràng. Vì vậy trong thực tiễn áp dụng pháp luật xử lý các hành vi liên quan đến vấn đề phòng vệ chính đáng không bảo đảm tính thống nhất, chưa phát huy được giá trị bảo vệ của pháp luật. Từ các luận chứng trên cho thấy việc nghiên cứu sâu sắc về mặt lý luận và lập pháp, trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia, gắn với thực tiễn tại Tây Nguyên sẽ giúp tạo những cơ sở đáng tin cậy cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng về các quy định về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Với những lý do trên, tác giả đã lựa chọn vấn đề ***"Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)"*** làm đề tài nghiên cứu khoa học cho luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là một trong những vấn đề phức tạp của luật hình sự, nên từ trước đến nay luôn được các nhà khoa học luật quan tâm. Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về các nội dung liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng, Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu của nó mới gián tiếp được lồng ghép ở các mức độ khác nhau.

Trong Sách chuyên khảo Sau đại học của GS. TSKH. Lê Văn Cẩm "*Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*" có thống kê các công trình tiêu biểu ở Liên Xô cũ như: "*Những điều kiện và các giới hạn của phòng vệ chính đáng*" (Nxb. Sách pháp lý, Mátxcova, 1969) của tác giả Trixkevich I. X.; "*Các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự*" (Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Xaratôv, 1978) của tác giả Xtrutchkôv N.A.; "*Chương X - Các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*", Giáo trình Luật hình sự, Phần chung (Nxb. Sách pháp lý, Mátxcova, 1994) của tác giả Tkatrenko V.I.; "*Các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*" (Nxb. Trường Đại học Tổng hợp Xaratôv, 1991) của tác giả Babulon Iu.V; v.v... Các công trình nói trên đã đề cập những vấn đề chung nhất về khái niệm, bản chất, tên gọi và hệ thống các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi hoặc đi sâu vào một số trường hợp cụ thể là phòng vệ chính đáng hoặc tình thế cấp thiết. Hơn nữa, các nghiên cứu này đã từ rất lâu, hiện nay, Liên bang Nga đã ban hành Bộ luật hình sự năm 1996, sửa đổi năm 2010.

Ngoài ra, nội dung nghiên cứu cũng được gián tiếp đề cập trong một số sách báo pháp lý, chẳng hạn như tác giả Ashworth (người Anh) có cuốn sách "*Principles of Criminal Law*" (Các nguyên tắc của luật hình sự) (Nxb. Oxford University Press, Inc., 1995). Công trình đề cập khái quát đến các vấn đề nguyên tắc và chính sách liên quan đến sự hình thành của pháp luật hình sự,

của các nguyên tắc và việc áp dụng của các cơ quan lập pháp, Tòa án, cơ quan cải cách pháp luật, trong đó có đề cập đến phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết là hai trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự. Hay tác giả Jerome Hall (người Anh) có cuốn sách “*Criminal Law*” (Luật hình sự) (Nxb. Bobbs Merrill Company, 1947, tái bản năm 2005). Cuốn sách đề cập đến cơ sở lý luận nền tảng của các nguyên tắc của luật hình sự, các vấn đề cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt, cũng như các lý thuyết vận dụng, trong đó cũng có đề cập đến trường hợp phòng vệ chính đáng và tình trạng khẩn cấp. Chương 4 - “Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự” trong sách: “*Swedish Law in the New Millennium*” (Luật hình sự Thụy Điển trong giai đoạn mới) do GS. Michael Bogdan chủ biên (Norstedts Juridik, Printed in Sweden by Elanders Gotab, Stockholm, 2000). Chương sách đã đề cập đến lý luận chung về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, nhưng lại mang bản chất của một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam như: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, thi hành mệnh lệnh của cấp trên;...

Ở Việt Nam, trước đây đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này như: Chương thứ năm - “*Những trường hợp (tình tiết) loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*” trong “*Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*” (Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005); Sách tham khảo “*Về vấn đề phòng vệ chính đáng*” (Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1987) của tác giả Đặng Văn Doãn; “*Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*” (Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998) và “*Bình luận khoa học về loại trừ trách nhiệm hình sự*” (Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009) của ThS. Đinh Văn Quế; “*Chương IX - Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*” trong sách: Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung) (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tái bản 2007) của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí; mục 4 Chương 2 “*Những trường*

hợp không phải là tội phạm” trong sách: Tội phạm và trách nhiệm hình sự (Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2013) của TS. Trịnh Tiến Việt;... Những công trình này đã phân tích khái niệm, nội dung, bản chất pháp lý và điều kiện áp dụng của các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự, trong đó có phòng vệ chính đáng.

Bên cạnh đó, cũng có một số bài viết có giá trị liên quan trực tiếp đến vấn đề này nhưng chỉ đề cập ở mức độ chung như: “*Một vài suy nghĩ về phòng vệ chính đáng*” (Tập chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 2/1996) của TS. Hoàng Văn Hùng; “*Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 4/1999) của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí; “*Những trường hợp đặc biệt liên quan đến các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 4/2001) và “*Quy định về phòng vệ chính đáng theo Bộ luật hình sự năm 1999*” (Tập chí Nhà nước và pháp luật, số 8/2001) của TS. Giang Sơn; “*Phải coi đây là phòng vệ chính đáng*” (Tập chí Khoa học pháp lý, số 5/2001) và “*Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những vấn đề đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam*” (Tập chí Khoa học, chuyên san Luật học, số 4/2013) của TS. Trịnh Tiến Việt;...

Như vậy, các công trình nghiên cứu nói trên đã đề cập đến vấn đề về phòng vệ chính đáng và gián tiếp là trách nhiệm hình sự do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, về phương diện nghiên cứu lý luận chuyên sâu và có hệ thống vấn đề thì phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam vẫn chưa được quan tâm một cách đúng mức. Về thực tiễn, còn nhiều nội dung của phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chưa đạt đến sự đồng thuận và gây tranh luận, dẫn đến các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa bàn Tây Nguyên còn áp dụng khác nhau.

Do vậy, trong luận văn này học viên muốn tiếp tục phát triển và kế thừa những công trình khoa học của các nhà nghiên cứu và thực tiễn nhằm làm sáng tỏ thêm vấn đề lý luận về phòng vệ chính đáng và các tội phạm vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng để xác định rõ ranh giới giữa người phạm tội và người không phạm tội từ đó truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam, xác định những bất cập để đề xuất những giải pháp cụ thể, góp phần tiếp tục hoàn thiện các quy định này trong thời gian tới. Đồng thời, đề tài cũng nhằm giải quyết một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta nói chung và ở Tây Nguyên nói riêng.

- Để đạt được mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của quy định các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam qua các thời kỳ.

+ Nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, làm sáng tỏ bản chất pháp lý của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam.

+ Khảo sát đánh giá tình hình xét xử của tòa án đối với các tội phạm do

vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng từ năm 2010 đến năm 2014 tại địa bàn các tỉnh Tây Nguyên; tìm ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, điều kiện của những tồn tại, hạn chế đó trong quá trình áp dụng pháp luật.

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, nhận thức đầy đủ và áp dụng đúng đắn thống nhất các tội phạm này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Đối tượng nghiên cứu của luận văn là một số vấn đề lí luận về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và thực tiễn áp dụng chế định này trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ Phạm vi về nội dung: Luận văn nghiên cứu các quy định về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ trong đó chú trọng quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử của Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên;

+ Phạm vi về chủ thể tiến hành: Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Các chủ thể khác sẽ được đề cập đến khi có liên quan.

+ Phạm vi về địa bàn: Luận văn được nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên;

+ Thời gian nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu thực tiễn áp dụng các tội phạm này từ năm 2010 đến năm 2014.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, thống kê, so sánh, tọa đàm, trao đổi, chuyên gia, phương pháp nghiên cứu án điển hình.

6. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa lí luận

Luận văn được hình thành trên cơ sở khái quát lí luận và đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong xét xử của Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên thời gian qua, nên kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý và làm rõ các vấn đề pháp lý của chế định phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Luận văn là một tài liệu tham khảo dùng cho các nhà nghiên cứu, giảng dạy học tập chuyên ngành luật hình sự trong các cơ sở đào tạo pháp luật.

- Ý nghĩa thực tiễn

Các giải pháp nêu trong luận văn có thể giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng áp dụng trong thực tiễn giải quyết các vụ án liên quan đến phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng để bảo vệ những người có hành vi phòng vệ chính đáng và xử lý nghiêm minh những người lợi dụng quyền phòng vệ để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của những người khác.

Bên cạnh đó, những kết quả nghiên cứu của luận văn còn củng cố niềm tin cho các cá nhân, cơ quan tổ chức và nâng cao ý thức trong đấu tranh tội phạm và các hành vi khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của công dân.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được chia thành 3 chương.

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Chương 2. Thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng tại Tây Nguyên.

Chương 3. Sự cần thiết, cơ sở và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC TỘI DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.1.1. Khái niệm các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

1.1.1.1. Khái niệm phòng vệ chính đáng

Để khuyến khích, động viên mọi người dân tự bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình và của người khác, cũng như của xã hội, pháp luật hình sự của đa số các quốc gia, trong đó có Việt Nam quy định chế định phòng vệ chính đáng.

Lịch sử hình thành và phát triển chế định phòng vệ chính đáng trong luật hình sự Việt Nam thể hiện thông qua một loạt các văn bản như Luật số 103/SL ngày 20/5/1957 và Bản tổng kết số 452/SL ngày 10/6/1970 của Tòa án nhân dân tối cao cũng đề cập đến quyền tự do thân thể, trong đó cho phép người thi hành công vụ dùng vũ khí và việc giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, Chỉ thị số 07/CT ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ và tại Phần II Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985*” đã đề cập đến ở một chừng mực nhất định những vấn đề chủ yếu có liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng.

Những quy định về phòng vệ chính đáng trong Bộ luật hình sự năm 1985 trải qua quá trình áp dụng vào thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đã bộc lộ những điểm cần phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi của xã hội, cụm từ tập thể được sử dụng trong Bộ luật hình sự năm

1985 không còn phù hợp, tập thể được dùng cho nền kinh tế tập trung bao cấp, thuật ngữ này được Bộ luật hình sự năm 1999 thay bằng từ tổ chức. Bên cạnh đó trong Bộ luật hình sự năm 1985 sử dụng thuật ngữ: “Chống trả một cách tương xứng”, qua tổng kết 10 năm thi hành Bộ luật hình sự năm 1985 (kể cả các lần sửa đổi bổ sung) thấy nổi lên một vấn đề là cần phải làm rõ khái niệm “tương xứng”, vì trong thực tế rất khó xác định hành vi chống trả ở mức độ như thế nào thì được coi là tương xứng, việc sử dụng cụm từ này cũng rất dễ dẫn đến các hiểu không đúng là người phạm tội sử dụng công cụ, phương tiện, phương pháp gì, thì người phòng vệ cũng phải sử dụng công cụ, phương tiện, phương pháp tương tự, hoặc có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người có hành vi xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại mà người xâm hại gây ra hoặc đe dọa gây ra [1, tr.62].

Mặt khác, việc dùng từ tương xứng mới chỉ thể hiện sự đánh giá của người thứ ba đứng ngoài cuộc chứ chưa xuất phát từ cái nhìn của người trong cuộc. Do vậy để khuyến khích mọi người tích cực tham gia chống trả các hành vi phạm tội, đồng thời để khắc phục những nhược điểm nêu trên, Bộ luật hình sự năm 1999 đã thay thế cụm từ “tương xứng” bằng cụm từ “cần thiết”, theo đó tại khoản 1 Điều 15 Bộ Luật hình sự quy định:

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

1.1.1.2 Các đặc điểm pháp lý của phòng vệ chính đáng

Hiện nay có nhiều tài liệu, giáo trình đề cập đến điều kiện của phòng vệ chính đáng. Một số tài liệu, giáo trình đề cập đến điều kiện của phòng vệ chính đáng bao gồm phải đầy đủ về cơ sở, nội dung và phạm vi

phòng vệ [61, tr.204-208]. Cũng gần giống với quan điểm trên theo giáo trình Luật hình sự phần chung của Đại học Huế đề cập điều kiện của phòng vệ chính đáng bao gồm cơ sở phát sinh quyền phòng vệ và phạm vi phòng vệ [14, tr.320-323]. Trong khi đó theo quan điểm của một tác giả khác thì đề cập điều kiện của phòng vệ chính đáng theo góc độ về phía nạn nhân, về phía người phòng vệ và về hành vi chống trả là cần thiết [44, tr.59-62]. Ngoài ra một bình luận khác cho rằng điều kiện của phòng vệ chính đáng bao gồm điều kiện làm xuất hiện quyền phòng vệ và điều kiện về tính hợp pháp của hành vi chống trả [65, tr.33-36]. Tất cả những quan điểm trên đều có những luận cứ khá hợp lí, bản chất đều theo hướng phân loại các hành vi trong phòng vệ chính đáng. Tuy nhiên để có thể rạch ròi, phân định rõ về điều kiện phòng vệ chính đáng chúng tôi cho rằng nghiên cứu về điều kiện phòng vệ chính đáng cần đề cập đến bốn điều kiện theo quan điểm của một số giáo trình, tài liệu: Đó là có hành vi xâm hại vào lợi ích hợp pháp, hành vi xâm hại đó đang xảy ra, hành vi chống trả lại chính người có hành vi xâm hại và sự chống trả đó là cần thiết [27, tr.64]. Việc phân chia điều kiện của phòng vệ chính đáng có ý nghĩa tương đối, giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về bản chất của phòng vệ chính đáng chứ không có ý nghĩa về pháp lí. Trong phạm vi của đề tài chúng tôi đề cập điều kiện của phòng vệ chính đáng theo tinh thần của hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05 tháng 01 năm 1986 hướng dẫn một số quy định của phần chung Bộ luật hình sự và Chỉ thị số 07/CT ngày 22 tháng 12 năm 1983, theo đó một hành vi được coi là phòng vệ chính đáng khi thỏa mãn bốn điều kiện sau: Có hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp; Hành vi tấn công phải có thật và đang diễn ra; Phòng vệ chính đáng phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi tấn công; Sự chống trả trong phòng vệ chính đáng là cần thiết.

- Điều kiện thứ nhất: Có hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp

Một trong những nhiệm vụ của Bộ luật hình sự được ghi nhận tại Điều 1 đó là: *“Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội”*.

Để thực hiện nhiệm vụ đó Bộ luật hình sự quy định các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm và quy định các chế tài để áp dụng đối với người có hành vi vi phạm. Ngoài ra nhằm ngăn ngừa, hạn chế thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ do hành vi tấn công gây ra, Nhà nước còn quy định cho công dân được quyền chống trả lại hành vi tấn công xâm hại tới lợi ích hợp pháp. Vì vậy, quy định về phòng vệ chính đáng có tính chất phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tấn công xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Xuất phát từ quan điểm đó thì có hành vi tấn công xâm hại lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích hợp pháp của bản thân người phòng vệ hoặc của người khác có tính chất làm tiền đề, cơ sở cho phép một người được thực hiện quyền phòng vệ của mình, và do đó nếu không có hành vi tấn công xâm phạm lợi ích hợp pháp thì không có phòng vệ chính đáng.

Lợi ích hợp pháp là những lợi ích của Nhà nước, tổ chức, của con người pháp luật ghi nhận và quy định như các quyền về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, về tài sản... Nói cách khác, đó là những lợi ích về vật chất và tinh thần được pháp luật quy định và bảo vệ. Điều 15 Bộ luật hình sự xác định khi lợi ích của nhà nước, tổ chức, lợi ích hợp pháp của bản thân người phòng vệ hoặc của người khác bị hành vi tấn công xâm hại thì cơ sở của quyền phòng vệ chính đáng xuất hiện. Vì vậy, hành vi chống trả để bảo vệ một lợi ích bất hợp pháp sẽ không được coi là phòng vệ chính đáng và phải

chịu trách nhiệm hình sự, ví dụ: Hành vi của người bị truy nã chống lại lực lượng bắt giữ, hành vi chống lại lệnh bắt để tạm giam bị can của cơ quan tiến hành tố tụng..

Vậy hiểu thế nào là có hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp, theo chúng tôi, đầu tiên hành vi đó phải do con người thực hiện. Trong thực tế thì có thể có nhiều nguồn có thể gây ra nguy hiểm tới lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích chính đáng của con người nhưng trong phòng vệ chính đáng thì nguồn nguy hiểm duy nhất là hành vi xâm hại của con người. Hành vi đó có thể do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện nhưng cũng có thể do người không có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện. Thứ hai, hành vi xâm hại phải là hành vi có tính chất, mức độ nguy hiểm đáng kể cho xã hội, mang tính chất bạo lực tấn công.

Hành vi xâm hại là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích hợp pháp của con người nhưng không phải với mọi hành vi xâm phạm chúng ta đều được thực hiện hành vi phòng vệ. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05 tháng 01 năm 1986 thì: Hành vi xâm hại phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể mới phát sinh quyền phòng vệ. Nếu hành vi xâm hại ở mức độ nguy hiểm không đáng kể thì vấn đề phòng vệ không được đặt ra.

Ví dụ: A chỉ tát B một cái, B đã rút dao trong người đâm chết A thì hành vi của B ở trường hợp đó không được coi là hành vi phòng vệ.

Hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp như đã trình bày ở trên có thể là hành vi phạm tội nhưng cũng có thể là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải là tội phạm như do người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của người không có năng lực trách nhiệm hình sự... Tuy cùng là cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ và pháp luật cũng không quy định sự

khác biệt nào của người phòng vệ đối với hai loại hành vi kể trên, nhưng khi thực hiện xét trên khía cạnh khác nhau thì người phòng vệ phải xem xét, cân nhắc để tránh gây thiệt hại cho người có hành vi tấn công quá mức cần thiết. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chỉ ra rằng, đối với hành vi xâm hại là hành vi phạm tội, hành vi đó có thể thực hiện dưới dạng hành động phạm tội hoặc không hành động phạm tội, có thể thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc thực hiện dưới hình thức lỗi vô ý. Nhưng chỉ được thực hiện hành vi chống trả khi hành vi đó mang tính chất tấn công bạo lực, thực hiện dưới hình thức hành động phạm tội, với lỗi cố ý, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc đến sức khỏe, tài sản, tính mạng của người khác như hành vi: hành vi cướp tài sản, hành vi dùng dao giết người...v.v.... không được thực hiện hành vi chống trả khi hành vi xâm hại không mang tính chất tấn công bạo lực, không gây thiệt hại hoặc đe dọa ngay tức khắc hoặc PT với hình thức lỗi vô ý...

Còn đối với một số hành vi xâm hại khác như hành vi tấn công của người tâm thần, hoặc hành vi đốt nhà, giết người của trẻ em dưới 14 tuổi... những trường hợp này trong thực tiễn xét xử nói chung chỉ thừa nhận việc gây thiệt hại cho những người này là phòng vệ chính đáng khi ngăn chặn sự tấn công phải áp dụng các biện pháp không gây thiệt hại cho họ như: Tước bỏ vũ khí của họ; chạy thoát khỏi sự nguy hiểm xuất phát từ họ; loại bỏ những điều kiện để họ không thể tiếp tục thực hiện được hành vi của mình nữa. Nếu giải quyết được theo hướng đó mà vẫn không ngăn chặn được thì có thể gây thiệt hại cho họ, song hạn chế ở mức độ nhỏ nhất. Đây chính là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc nhân đạo XHCN trong LHS Việt Nam, vì những người này khi thực hiện hành vi thì họ không nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của mình. Nhưng nếu bị người say rượu tấn công mình hoặc tấn công người khác thì hành vi gây thiệt hại cho người say rượu lại được coi là

hành vi phòng vệ, vì người say rượu nếu xâm phạm đến các lợi ích cần bảo vệ, theo pháp luật nước ta vẫn bị coi là hành vi trái pháp luật [44, tr.59].

Qua đó có thể thấy rằng pháp luật cho phép thực hiện hành vi phòng vệ đối với hành vi phạm tội và cả những hành vi nguy hiểm cho xã hội không phải là tội phạm, miễn rằng hành vi đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể, thể hiện dưới dạng hành động phạm tội, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc cho các lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền, lợi ích hợp pháp của con người.

- Điều kiện thứ hai: Hành vi tấn công phải có thật và đang diễn ra

Như đã trình bày ở điều kiện đầu tiên, để có thể phát sinh quyền phòng vệ trước hết phải có hành vi xâm hại vào lợi ích hợp pháp. Tuy nhiên, trong thực tế hành vi tấn công xâm hại tới lợi ích hợp pháp diễn ra ở những trạng thái khác nhau: Chuẩn bị tấn công, đang thực hiện hành vi tấn công hay sự tấn công đã kết thúc, vì vậy cần đặt ra điều kiện thứ hai của phòng vệ chính đáng là hành vi tấn công phải có thật và đang diễn ra.

Sự tấn công phải có thật, nghĩa là sự xâm hại đối với những lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ phải tồn tại khách quan chứ không do suy đoán, tưởng tượng. Thực tế có những trường hợp không có sự tấn công nhưng lại nhầm tưởng rằng có sự tấn công nên đã có hành vi chống trả lại gây thiệt hại cho người khác, khoa học luật hình sự gọi trường hợp này là phòng vệ tưởng tượng.

Hành vi xâm hại đang xảy ra có nghĩa là: hành vi xâm hại đã có thời điểm của sự bắt đầu nhưng nó chưa kết thúc, hành vi đó đang gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại ngay tức khắc cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Ví dụ: Đang dí dao vào cổ để cướp tài sản; đang đâm chém nhiều nhất nhằm mục đích giết người, đang thực hiện hành vi hiếp dâm...

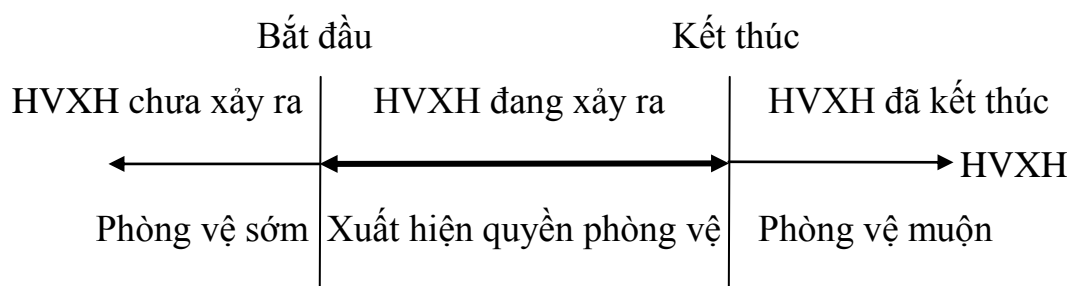
Kể từ thời điểm hành vi xâm hại bắt đầu xảy ra trên thực tế đến trước thời điểm hành vi xâm hại kết thúc thì ta được phép phòng vệ, tức là hành vi

chống trả lại hành vi xâm hại diễn ra trong khoảng thời gian này thì được coi là phòng vệ chính đáng. Sở dĩ luật hình sự coi hành vi tấn công đang xảy ra mới được phòng vệ chính đáng vì chỉ có như vậy mục đích ngăn chặn hành vi tấn công, bảo vệ lợi ích hợp pháp của phòng vệ chính đáng mới đạt được. Vì vậy, trường hợp hành vi tấn công chưa xảy ra, người tấn công mới chỉ có hành vi chuẩn bị và trường hợp hành vi tấn công đã kết thúc, lợi ích hợp pháp đã bị xâm hại, nếu có hành vi chống trả sẽ không được coi là phòng vệ chính đáng. Cả hai trường hợp này đều không có cơ sở làm phát sinh quyền phòng vệ, hoặc là sự tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp chưa xảy ra hoặc là sự tấn công đã kết thúc, lợi ích hợp pháp đã bị xâm hại. Khoa học pháp lý gọi những trường hợp này là phòng vệ sớm và phòng vệ muộn, người có hành vi vi phạm phòng vệ sớm hay phòng vệ muộn phải chịu trách nhiệm hình sự về những thiệt hại do hành vi của mình gây ra. Trách nhiệm hình sự của người có hành vi phòng vệ sớm và phòng vệ muộn được giải quyết như những trường hợp sai lầm thực tế. Tuy phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do động cơ là bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của mình hoặc của người khác nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó được coi là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự “*Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác*”.

Thời điểm hành vi xâm hại bắt đầu xảy ra, là đã thực hiện những hành vi khách quan được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể. Cũng có trường hợp hành vi xâm hại chưa xảy ra, nhưng có nguy cơ xảy ra ngay tức khắc, trường hợp này cũng được coi là phòng vệ chính đáng. Sự cho phép này là một sự cần thiết khách quan, nhằm tạo điều kiện chủ động cho người phòng vệ ngăn chặn sự tấn công được kịp thời và có hiệu quả. Tương tự, trong thực

tế, có một số trường hợp khi sự tấn công kết thúc nhưng người thực hiện hành vi chống trả vẫn được coi là hợp pháp: Đó là trường hợp mà hành vi chống trả xảy ra liền ngay sau khi hành vi tấn công kết thúc và với những tình tiết cụ thể của vụ việc người thực hiện hành vi chống trả không thể biết thời điểm kết thúc của hành vi tấn công.

Để làm rõ điều kiện này hơn chúng ta có thể biểu diễn nó dưới dạng sơ đồ sau:



Tóm lại, khi nghiên cứu hai điều kiện trên tức là khi có hành vi nguy hiểm đáng kể đang xâm hại vào lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của con người, hành vi đó là hành vi trái pháp luật, đang diễn ra thực sự, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ngay tức khắc cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ thì mọi người được thực hiện hành vi phòng vệ.

- Điều kiện thứ ba: Phòng vệ chính đáng phải gây thiệt hại cho chính người đang có hành vi xâm hại

Ở điều kiện thứ nhất và điều kiện thứ hai đã trình bày cơ sở của phòng vệ chính đáng là hành vi tấn công xâm phạm lợi ích hợp pháp đang tồn tại một cách khách quan thì điều kiện này chỉ ra đối tượng và những loại thiệt hại của người có hành vi phòng vệ gây ra.

Luật hình sự quy định hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, người đang có hành vi tấn công chứ không được gây thiệt hại cho lợi ích của người khác. Quy định này xuất phát từ mục đích của phòng vệ chính đáng, muốn ngăn chặn được sự tấn công bảo vệ được lợi

ích hợp pháp người có hành vi phòng vệ phải hướng sự chống trả của mình vào việc gây thiệt hại cho người đang có hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp mới bị loại trừ tận gốc [27, tr.301]. Thiệt hại gây ra cho chính người có hành vi xâm hại, nếu gây thiệt hại cho người khác (không liên quan đến hành vi xâm hại) thì không được thừa nhận là phòng vệ chính đáng.

Trong thực tế thì có thể có nhiều nguồn nguy hiểm có thể gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội như: Con người, thiên tai, hạn hán, lụt lội... Trong phòng vệ chính đáng thì nguồn nguy hiểm duy nhất đó chính là do con người gây ra. Người có hành vi xâm hại chính là nguồn gây ra nguy hiểm trực tiếp trong phòng vệ chính đáng và chỉ có thể ngăn chặn và loại trừ nguồn nguy hiểm đó bằng cách gây thiệt hại cho chính bản thân người có hành vi xâm hại.

Nếu thiệt hại do người có hành vi xâm hại gây ra có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, có thể là thiệt hại về tài sản, nhân phẩm, danh dự hoặc các lợi ích xã hội khác, thì thiệt hại do người có hành vi phòng vệ gây ra chỉ có thể là thiệt hại về tính mạng hoặc sức khỏe cho người có hành vi xâm hại, việc gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đã ngăn chặn, đẩy lùi được hành vi tấn công, bảo vệ được những lợi ích hợp pháp nên gây thiệt hại về tài sản, danh dự, nhân phẩm... cho người đang có hành vi tấn công là không cần thiết. Vì vậy luật hình sự không coi các trường hợp gây thiệt hại về tài sản, danh dự, nhân phẩm... cho người đang có hành vi tấn công là phòng vệ chính đáng.

Cũng có một số trường hợp đặc biệt mà người phòng vệ có thể gây thiệt hại đến tài sản của người phạm tội, đó là trường hợp người phòng vệ nhằm vào công cụ, phương tiện phạm tội mà người đó đang sử dụng [4, tr.49].

Tóm lại: Pháp luật cho phép người thực hiện hành vi được gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, nhưng phải cho chính người có hành vi xâm hại. Nếu gây thiệt hại cho người thứ ba không liên quan thì không được coi là điều kiện của phòng vệ chính đáng.

- *Sự chống trả trong phòng vệ chính đáng là cần thiết.*

Sự chống trả trong phòng vệ chính đáng được xác định phải là gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại, tấn công xâm phạm những lợi ích hợp pháp, đồng thời thiệt hại mà người phòng vệ gây ra cho người có hành vi tấn công đó là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. Tuy vậy thiệt hại đó phải trong những phạm vi nhất định, mà tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật hình sự đã quy định phải là: “Chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm hại các lợi ích nói trên”. Sự cần thiết hay sự tương xứng giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công là điều kiện quan trọng về tính hợp pháp của hành vi phòng vệ. Đây là một vấn đề phức tạp cả trong lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

Trong Bộ luật hình sự năm 1985 đã sử dụng thuật ngữ tương xứng, việc dùng cụm từ tương xứng mới chỉ thể hiện được sự đánh giá của người thứ ba đứng ngoài cuộc chứ chưa xuất phát từ cái nhìn của người trong cuộc. Điều này dẫn đến tình trạng lạm dụng quyền phòng vệ chính đáng để thực hiện nhằm mục đích trả thù. Bên cạnh đó nhiều người do không hiểu được bản chất của phòng vệ chính đáng nên đã không phát huy được tính tích cực của mình trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Thuật ngữ cần thiết đã thay thế thuật ngữ tương xứng trong Bộ luật hình sự năm 1985. Việc sử dụng cụm từ cần thiết giúp người thực hiện quyền phòng vệ hay bất kỳ người nào khác hiểu rõ rằng không nhất thiết thiệt hại do người phòng vệ gây ra phải giống với thiệt hại do người có hành vi xâm hại gây ra, người tấn công xâm hại gây thiệt hại về sức khỏe thì cũng chỉ được gây thiệt hại về tính mạng sức khỏe cho họ. Đồng thời cũng tránh được cách hiểu sai lầm về cụm từ tương xứng, người có hành vi xâm hại, tấn công sử dụng công cụ phương tiện gì thì người phòng vệ cũng phải sử dụng công cụ, phương tiện đó.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/NQ/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì sự chống trả trong phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại. Cụm từ tương xứng dễ dẫn đến cách hiểu rằng có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ, chính vì vậy thuật ngữ này đã được thay thế bằng thuật ngữ cần thiết.

Theo từ điển Tiếng Việt thì cần thiết có nghĩa là: Rất cần, không thể không làm [70]. Sự cần thiết trong phòng vệ chính đáng được hiểu là: Trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, người phòng vệ trên cơ sở tự đánh giá tính chất của quan hệ xã hội bị xâm phạm, tính chất, mức độ nguy hiểm của công cụ, phương tiện phạm tội, nhân thân của người có hành vi xâm hại, cường độ của sự tấn công cũng như những yếu tố cần thiết khác sẽ quyết định biện pháp chống trả cũng như mức độ chống trả mà người đó cho là cần thiết để ngăn chặn hành vi tấn công [1, tr.63]. Thiệt hại gây ra trong phòng vệ chính đáng có thể là thiệt hại lớn hơn so với thiệt hại do người có hành vi tấn công xâm hại đến các lợi ích hợp pháp.

Trong lí luận cũng như thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy, xác định sự “cần thiết” là một vấn đề khó. Căn cứ vào quy định của BLHS, vào hướng dẫn của Nghị Quyết số 02 và căn cứ vào thực tiễn công tác đấu tranh chống tội phạm cho thấy, để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như:

+ Khách thể cần bảo vệ (thí dụ: bảo vệ địa điểm thuộc bí mật quốc gia, bảo vệ tính mạng);

- + Mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra;
- + Vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng;
- + Nhân thân của người xâm hại (nam, nữ; tuổi; người xâm hại là côn đồ, lưu manh...);
- + Cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ;
- + Hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc (nơi vắng người, nơi đông người, đêm khuya) v.v...

Đồng thời cũng cần phải chú ý đến yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ.

1.1.2. Khái niệm về tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Việc luật hình sự quy định phòng vệ chính đáng là nhằm khích lệ mọi người tích cực đấu tranh đối với những hành vi xâm hại để bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân. Tuy nhiên để tránh việc lạm dụng và lợi dụng quyền phòng vệ để xâm phạm tới những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, bên cạnh việc quy định những điều kiện chặt chẽ để được công nhận là phòng vệ chính đáng, Luật Hình sự cũng quy định về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Trong Bộ luật Hình sự 1985, cũng trong Điều 13, tại khoản 2 quy định về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Bộ luật hình sự năm 1985 quy định: *“Nếu hành vi chống trả rõ ràng là quá đáng, tức là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì người có hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự”* [45, Điều 13, Khoản 2].

Đây không phải là một định nghĩa về vượt quá phòng vệ chính đáng mà thực chất là nhằm làm rõ thêm khái niệm phòng vệ chính đáng được quy định

tại khoản 1 bằng phương pháp loại trừ. Nếu xét về hình thức, phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng chỉ khác nhau ở mức độ và sự cần thiết cho xã hội. Nhưng nếu đứng trên góc độ luật hình sự, thì phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có bản chất hoàn toàn khác nhau. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tội phạm. Vì vậy cần có định nghĩa cụ thể về phòng vệ chính đáng. Có nhiều tác giả cũng đã đưa ra các cách giải thích khác nhau về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Như trong cuốn từ điển thuật ngữ pháp lý thông dụng giải thích: *“Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là trường hợp người phòng vệ có hành vi chống trả quá mức cần thiết để ngăn chặn hành vi trái pháp luật”* [28, tr.477].

Để làm rõ vấn đề này, phần tiếp theo tác giả đã giải thích:

Để xác định xem có phải là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hay không, cần phải xem xét các yếu tố như mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi trái pháp luật, mức độ thiệt hại của hành vi phòng vệ gây ra. Trong trường hợp người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng là quá đáng và gây thiệt hại quá mức (gây thương tích nặng, gây chết người...) trong khi nguy cơ đe dọa của hành vi trái pháp luật không phải là lớn thì người phòng vệ vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bị truy cứu trách nhiệm hình sự [28, tr.477].

Trong cuốn từ điển pháp luật hình sự, PGS, TS Nguyễn Ngọc Hòa và PGS, TS Lê Thị Sơn đã giải thích vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau:

Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là người phòng vệ đã vượt ra ngoài phạm vi cho phép của quyền phòng vệ, đã gây ra thiệt hại cho người tấn công rõ ràng quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công.

Sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên

mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và gây thiệt hại rõ ràng quá mức (như: gây thương tích nặng, làm chết người) đối với người có hành vi xâm hại thì coi hành vi chống trả là không tương xứng và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là tương xứng thì đó là phòng vệ chính đáng.

Qua nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của phòng vệ chính đáng cho thấy, quy định hiện nay của Luật hình sự Việt Nam về vấn đề này mặc dù đã cụ thể hơn trước và hơn pháp luật của nhiều nước trên thế giới, nhưng vẫn còn những quy định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến có các quan điểm cách hiểu khác nhau về phòng vệ chính đáng. Đây chính là vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để có thể quy định rõ ràng hơn.

Từ sự phân tích trên, có thể thấy rằng: Khoản 2 Điều 15 của Bộ luật hình sự chỉ có tính chất giải thích hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chứ chưa thể coi đó là khái niệm tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Hơn nữa, nó phải đặt trong tổng thể của Bộ luật hình sự. Vì cùng với quy định này, còn có các quy định khác là giải định của vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Còn khi chúng ta tách biệt, nghiên cứu nó trong một nội dung độc lập, cần có định nghĩa trong đó thể hiện đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Trên cơ sở đó, ta có thể định nghĩa tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như sau:

Tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây ra những thiệt hại đáng kể cho người có hành vi xâm hại.

1.1.3. Đặc điểm của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Từ khái niệm trên có thể thấy các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có một số đặc điểm sau đây:

- Khách thể của tội phạm

Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng xâm phạm vào quyền sống và quyền được bảo vệ sức khỏe của con người.

Mặc dù tại khoản 2 Điều 15 Bộ luật hình sự không quy định cụ thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe mà chỉ quy định là gây thiệt hại cho người có hành vi xâm hại. Nhưng do bản chất của phòng vệ chính đáng là dùng sức mạnh thể chất để tấn công có hành vi xâm hại nhằm làm cho người đó không thể thực hiện được hành vi xâm hại nữa, triệt tiêu nguồn nguy hiểm xâm hại vào các lợi ích hợp pháp. Vì vậy sự tác động của người phòng vệ vào người đang có hành vi xâm hại chỉ có thể là tác động vào thể chất của họ. Việc tác động về thể chất sẽ tác động đến quyền được sống hoặc quyền bảo vệ sức khỏe của nạn nhân... Bộ luật Hình sự quy định các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng tại các Điều 96 và Điều 106 là nhằm xử lý những hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng xâm phạm tính mạng, hoặc xâm phạm nghiêm trọng vào sức khỏe của con người.

Các hành vi khác nhằm tác động vào tinh thần của người có hành vi xâm hại nhằm buộc họ phải cân nhắc suy nghĩ để chấm dứt hành vi xâm hại không được coi là phòng vệ chính đáng.

Đối tượng tác động của tội phạm phải là thân thể của người có hành vi xâm hại. Đây là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Nếu thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người khác hoặc thiệt hại về vật chất thì không được xem xét.

- Mặt khách quan của tội phạm

Hành vi khách quan của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ

chính đáng thể hiện bằng việc dùng vũ lực để gây thiệt hại về thể chất cho người có hành vi xâm hại.

Theo quy định tại khoản 2, điều 15 BLHS, trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng khi có đủ điều kiện:

Thứ nhất, phải có hành vi tấn công của nạn nhân xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của người phạm tội hoặc của người khác. Hành vi xâm hại đó đang diễn ra đang trực tiếp xâm hại hoặc đe dọa xâm hại ngay tức khắc đến các lợi ích hợp pháp cần bảo vệ.

Đây là điều kiện phát sinh quyền phòng vệ để xác định hành vi của người phạm tội là hành vi chống trả lại.

Thứ hai, người phạm tội đã dùng vũ lực để tác động lên thân thể của người xâm hại nhằm triệt tiêu hành vi xâm hại, không cho nó tiếp tục gây ra các thiệt hại cho các lợi ích cần bảo vệ.

Hậu quả của hành vi phòng vệ là gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe của nạn nhân.

Cái chết của nạn nhân hay những thương tích trên người nạn nhân phải do chính hành vi tấn công của người phòng vệ gây ra. Có nghĩa là hành vi của người phòng vệ phải trực tiếp trực tiếp tác động lên cơ thể của nạn nhân, những tác động đã dẫn đến cái chết hoặc thương tích của nạn nhân mà không phải do tác nhân trung gian nào khác.

Việc nạn nhân chết hay bị thương tích, tổn hại sức khỏe nghiêm trọng rõ ràng là quá mức cần thiết cho việc phòng vệ.

Để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết liên quan đến hành vi xâm hại và phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh xảy ra sự việc.v.v... Đồng thời cũng phải chú ý đến

yếu tố tâm ý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ. Sau khi xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh, sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng là quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức đối với hành vi xâm hại thì coi hành vi chống trả là không cần thiết và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Cần lưu ý, trong khoản 2 Điều 15 BLHS cũng nêu rõ, việc gây thiệt hại phải rõ ràng là quá mức cần thiết. Có nghĩa là phải có sự chênh lệch rõ ràng giữa bên thực hiện hành vi xâm hại và bên có hành vi phòng vệ.

BLHS quy định tại đoạn 2, khoản 2 điều 15: *“Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự”* [46].

Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp vượt quá phòng vệ chính đáng đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều kiện để người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Điều 106 BLHS, hoặc tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Điều 96 BLHS là các hành vi đó phải gây hậu quả chết người hoặc gây thương tích từ 31% trở lên.

Trường hợp hành vi trái pháp luật của người xâm hại quá nhỏ, nhưng người phòng vệ đã nhân cơ này gây thiệt hại quá mức thì hành vi đó bị coi là phạm tội trong trường hợp thông thường, mà không phải là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

- Mặt chủ quan của tội phạm

Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đều được thực hiện với lỗi cố ý.

Về lí trí, khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi xâm hại, người

phạm tội đều xác định được làm như thế là nguy hiểm và có thể gây ra cái chết hoặc thương tích cho người có hành vi xâm hại

Về ý chí, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi chống trả lại để dập tắt sự xâm hại. Với hậu quả, có thể họ xác định rõ hậu quả của hành vi và cho rằng chỉ có hậu quả đó xảy ra mới chấm dứt được hành vi xâm hại nên hướng hành vi vào để đạt được hậu quả đó, nhưng cũng có thể chủ thể không xác định trước hậu quả nhưng bỏ mặc cho hậu quả xảy ra (hậu quả đến đâu thì đến, miễn là dập tắt được hành vi xâm hại).

Động cơ phạm tội của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm: động cơ thúc đẩy người phạm tội đi đến việc thực hiện hành vi chống trả gây ra cái chết hoặc thương tích cho nạn nhân là để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

Nếu người thực hiện hành vi chống trả lại người có hành vi xâm hại nhưng việc tấn công đó là xuất phát từ sự thù tức từ trước, nhân cơ hội người đó có hành vi xâm hại mà tấn công để trả thù thì việc tấn công đó không thuộc trường hợp phòng vệ, vì vậy, người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng với hậu quả xảy ra mà không phải là phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Mục đích của người phạm tội là nhằm làm cho người có hành vi xâm hại không thể tiếp tục thể tiếp tục thực hiện hành vi xâm hại.

- Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là bất kỳ ai có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định. Do các tội này có tình tiết định tội giảm nhẹ nên tội phạm chỉ là ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, vì vậy độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm này là từ đủ 16 tuổi trở lên.

1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

1.2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

Lịch sử lập pháp đi liền với sự phát triển của lịch sử dân tộc. Trong khoảng thời gian từ thế kỷ X sau công nguyên là thời kỳ xây dựng Nhà nước độc lập bắt đầu từ thời họ Khúc (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo), đến thời họ Ngô (Ngô Quyền), họ Đinh (Đinh Bộ Lĩnh) và tiền Lê (Lê Hoàn) sau khi trải qua cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Đường, nhà Tống (Trung Quốc). Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII là khoảng thời gian trị vì đất nước của nhà Lý (Lý Công Uẩn, Lý Thái Tổ...), Nhà nước Đại Cồ Việt đổi tên thành nước Đại Việt. Vào năm 1042, Lý Thái Tông ra lệnh cho Quan Trung thư xây dựng cuốn Hình thư để dân thi hành cho tiện [33, tr.75], song khôn thay, sách ấy ngày nay không còn nữa. Nhờ các tài liệu vụn vặt tản mác trong sử cũ, ngày nay cũng có thể có một quan niệm tổng hợp về tinh thần đặc sắc của luật pháp Triều Lý, phản chiếu rõ rệt cái cá tính độc lập truyền thống của dân tộc Việt Nam, hơn nữa còn minh chứng rằng trên lập trường thực tế, dân ta tuy bị vùi lấp trong chính sách ngu dân non 1000 năm, song chỉ cần một thời gian độc lập không đầy một thế kỷ cũng tiến đến một trình độ pháp lý rất khả quan [35, tr.92]. Trong Bộ luật hình thư nhà Lý, mặc dù văn bản này hiện không còn được lưu giữ nhưng qua các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nội dung của Bộ luật này vẫn còn được đề cập khá nhiều trong các tài liệu tham khảo. Theo đó Bộ hình thư đã chứa đựng những quy phạm pháp luật về phòng vệ chính đáng như: Quy định trộm vào nhà được phép chống trả, quá trình bắt tội nhân nếu tội nhân chống trả có thể giết chết mà không phải tội... [36, tr.25]. Chính từ những quy định này là cơ sở để pháp luật các giai đoạn phát triển lịch sử thời gian sau đó kế thừa, phát huy từng bước hoàn thiện các quy định về phòng vệ chính đáng.

Chế định này đã có những bước tiến vượt bậc trong Bộ luật Hồng Đức văn bản được đánh giá là tiến bộ, khá đầy đủ và hoàn thiện. Bắt đầu từ thời Lê Thái Tổ, đến thời Lê Thánh Tông đã xây dựng và ban hành Bộ Luật Hồng Đức, thường được gọi là Bộ Quốc Triều Hình Luật gồm 722 Điều quy định trong 6 quyển với 13 chương khác nhau đề cập các lĩnh vực trong đời sống xã hội mà phần lớn các quy định trong đó là các quy định về pháp luật hình sự. Bộ Luật Hồng Đức là đỉnh cao trong thành tựu luật pháp của các Nhà nước phong kiến Việt Nam, là cơ sở cho việc biên soạn những bộ luật trong thời gian tiếp theo của chế độ Phong kiến. Bộ luật Hồng Đức chứa đựng nhiều quy định liên quan đến nội dung phòng vệ chính đáng.

Tại Điều 450 Bộ luật Hồng Đức (Điều 40 Chương đạo tặc, Quyển IV) quy định:

Những kẻ ban đêm vô cớ vào nhà người ta, thì xử tội đồ; chủ nhân đánh chết ngay lúc ấy, thì không phải tội; nếu đã bắt được mà đánh chết, đánh bị thương, thì phải tội như tội đánh nhau chết hay bị thương, mà giảm ba bậc. Kẻ lạ vào trong vườn người ta, thì cũng xử tội biếm; đàn bà thì được giảm một bậc [66, tr.199].

Rõ ràng quy định tại Điều 450 Bộ luật Hồng Đức chứa đựng sâu sắc nội dung của phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Đối với trường hợp ban đêm vô cớ vào nhà người khác là hành vi xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của con người, ở đoạn tiếp theo Điều luật chia là hai trường hợp: nếu đánh chết ngay lúc ấy, thì không phải tội, tức là trường hợp hành vi xâm phạm đang xảy ra, nếu chủ nhân chống trả thì không phải tội, mặc dù nội dung này có phần thái quá khi chưa xác định cụ thể mục đích của hành vi xâm phạm của người đột nhập nhưng đã quy định một trường hợp cụ thể của chế định phòng vệ chính đáng; ngược lại nếu đã bắt được mà đánh chết, đánh bị thương, thì phải tội như tội đánh nhau chết hay bị

thương, mà giảm ba bậc đây có thể coi là tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trường hợp này nếu đã bắt được tức là hành vi xâm hại không còn nguy cơ tiếp diễn do đó trách nhiệm hình sự vẫn đặt ra đối với người đã xâm phạm tính mạng sức khỏe của người đột nhập.

Đối với trường hợp hành vi xâm hại xâm phạm đến quan hệ gia đình, quan hệ vợ chồng, theo Điều 410 Bộ luật Hồng Đức (Điều 10, chương Thông gian, quyển III): *Bất gian phu trong đêm tối, nếu chưa phân phải trái mà lỡ đánh chết ngay tại chỗ, thì không phải tội. Nhưng nếu bắt được rồi mà còn đánh chết thì xử tội đồ làm chũng điền bình và phải trả một phần ba số tiền đền mạng cho vợ con người bị chết* [66, tr.185].

Tiếp tục, tại Điều 485 Bộ luật Hồng Đức (Điều 21, Chương đấu tụng, Quyển IV) quy định: *“Ông bà cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què gãy, bị thương, thì không phải tội; bị thương què thì phải tội kém tội đánh bị thương người thường ba bậc; đánh chết thì bị tội nhẹ hơn luật thường một bậc”* [66, tr.215]. Trong trường hợp ông bà cha mẹ bị đánh, tức là có hành vi xâm phạm vào lợi ích hợp pháp của người khác, nếu là con cháu chống trả lại, đẩy lùi hành vi đó thì không phải tội là biểu hiện cụ thể của phòng vệ chính đáng, nếu chống trả mà quá mức (bị thương què) thì cũng được coi là một trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm cho người thực hiện hành vi.

Năm 1815, Bộ Hoàng Triều Luật lệ (thường được gọi là Bộ Luật Gia Long) được xây dựng trên cơ sở Bộ Luật Hồng Đức và Luật lệ Đại Thanh (Trung Quốc) nhưng nội dung chủ yếu của Bộ Luật này mô phỏng theo Luật lệ của nhà Đại Thanh. Trong Hoàng Triều Luật lệ, phần hình sự được cấu tạo tương tự như Bộ Luật Hồng Đức, nhưng phần hình phạt được chia theo các khung cụ thể hơn. Ví dụ, phạt đồ được chia làm 5 bậc với thời gian từ 1 năm 3 năm; phạt lưu đầy bị đầy đi xa 2.000 đến 3.000 hải lý; tử hình gồm giáo (thắt cổ cho chết), trảm (chém đầu), lăng trì (tùng xẻo)... Diện trừng trị của

Hoàng Triều Luật lệ mở rộng hơn, đặc biệt là nguyên tắc tập thể chịu hình phạt được áp dụng đối với tội quan trọng xâm phạm vào lợi ích Nhà nước, lợi ích của nhà vua. Ví dụ: Mưu phản và mưu đại nghịch thì áp dụng hình phạt chém từ ông, cha, con trai, cháu trai, anh em trai của can phạm từ 16 tuổi trở lên. Từ 15 tuổi trở xuống đến mẹ, con gái, vợ, chị em gái, con dâu... bắt làm nô tì, tài sản bị tịch thu toàn bộ. Trong Hoàng Việt Luật lệ cũng đã chứa đựng một số quy phạm pháp luật liên quan đến chế định Phòng vệ chính đáng.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Năm 1883, triều đình Huế ký với Pháp bản Hiệp ước thừa nhận Nam Kỳ là đất thuộc Pháp, Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ bảo hộ của Pháp. Trong suốt thời gian từ 1858 đến 1945 thực dân Pháp đã thiết lập chính quyền thuộc địa ở Việt Nam.

Đây là thời kỳ, ở nước ta cùng lúc sử dụng hai loại Luật hình. Luật hình sự của Pháp áp dụng cho người Pháp và người nước ngoài phạm tội ở Việt nam. Luật hình sự của Nhà Nguyễn áp dụng cho người bản xứ. Sau khi Nam kỳ trở thành thuộc địa của Pháp thì ở Nam Kỳ cũng áp dụng Luật hình sự của Thực dân Pháp, còn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ áp dụng Bộ Luật Gia Long có bổ sung thêm các tội phiến loạn, tội chống lại chính phủ bảo hộ Pháp... Thời kỳ này, trong các nhà tù, thực dân Pháp đã áp dụng chính sách hình sự khủng bố, đàn áp, tra tấn dã man những lãnh tụ trong các phong trào khởi nghĩa và những người Cộng sản Việt Nam.

1.2.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật Hình sự năm 1985

Đây là giai đoạn lịch sử dài, theo sự phát triển chung của Luật hình sự còn có thể được chia làm các giai đoạn nhỏ khác, tuy vậy với nội dung cần phân tích là những quy định liên quan đến chế định phòng vệ chính đáng, qua khảo sát chúng tôi nhận thấy trong thời gian này pháp luật hình sự Việt Nam cũng không có nhiều các quy định liên quan đến phòng vệ chính đáng vì vậy

chúng tôi phân tích từ giai đoạn năm 1945 đến pháp điển hóa luật hình sự lần thứ nhất năm 1985.

Thời gian đầu sau tổng khởi nghĩa năm 1945, pháp luật hình sự của Nhà nước ta chưa quy định khái niệm phòng vệ chính đáng chung đối với mọi trường hợp và đối với mọi người, nhưng trong giai đoạn này sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính phủ cũng đã kịp thời ban hành một số trường hợp cụ thể hàm chứa nội dung phòng vệ chính đáng, cụ thể có quy định ba trường hợp “thật cần thiết mà người thi hành nhiệm vụ trong khi tiến hành việc bắt, tạm giam, khám người, khám nhà ở có thể dùng vũ khí” và những trường hợp khẩn cấp mà cảnh sát có quyền được sử dụng vũ khí. Ngoài ra để kịp thời hướng dẫn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là công tác xét xử; trong một số báo cáo tổng kết hàng năm của ngành, Tòa án tối cao đã có hướng dẫn giải quyết các trường hợp: Giết người vượt quá mức phòng vệ cần thiết và bắn chết người của các cán bộ trong khi thi hành nhiệm vụ đã vượt quá phạm vi luật pháp cho phép.

Theo đó, tại Nghị định số 301-Ttg ngày 10 tháng 7 năm 1957 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết thi hành luật số 103-SL-L005 ngày 25 tháng 5 năm 1957 đảm bảo quyền tự do thân thể, tại Điều 22 Nghị định 301 quy định:

Nếu trong khi thi hành việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khám người, khám nhà ở mà gặp những trường hợp thật cần thiết sau đây, người thi hành nhiệm vụ có thể dùng vũ khí:

a. Khi thi hành việc bắt, giữ, giam, khám, mà gặp sức kháng cự của kẻ phạm pháp, cần phải bảo vệ tính mệnh của mình hoặc của người khác đang bị đe dọa nghiêm trọng.

b. Khi cần phải ngăn chặn những người phạm tội chính trị hoặc hình sự quan trọng có hành động trốn tránh pháp luật.

c. Khi người bị giam đang vượt trại giam hoặc khi can phạm quan trọng chạy trốn trong lúc đang bị dẫn giải.

Trong cả ba trường hợp trên, người thi hành công vụ chỉ được dùng vũ khí sau khi đã cảnh cáo, đã ra lệnh hoặc đã hô đứng lại hoặc giơ tay lên mà kẻ phạm pháp không tuân theo hoặc vẫn cố tình chống cự lại [56, tr.23].

Quy định này chính là cơ sở pháp lí quan trọng để lực lượng thi hành nhiệm vụ trong quá trình tiến hành bắt giữ, tạm giam, khám nhà, khám người mà người phạm pháp lại chống cự hoặc có hành động trốn tránh pháp luật. Đối với những người đã có các lệnh bắt, giữ, dẫn giải hoặc có lệnh khám nhà, khám người thì phải tuyệt đối chấp hành các quy định, người đang thực hiện lệnh đó được coi là người đang thi hành công vụ, nếu có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của những người đó hoặc có hành vi bỏ trốn không chấp hành các lệnh thì đó là hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, lúc này pháp luật quy định rõ người thi hành nhiệm vụ có thể chống trả, dùng vũ khí. Hay nói cách khác là phát sinh quyền phòng vệ.

Ngoài ra tại pháp lệnh ngày 16 tháng 7 năm 1962 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cảnh sát nhân dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tại Điều 5 quy định:

Cảnh sát nhân dân có quyền hạn sau đây:

Được sử dụng vũ khí trong trường hợp khẩn cấp, như phải đối phó với những kẻ dùng vũ khí bạo động, tập kích, chống cự khi bị bắt, phá hoại trị an xã hội, những kẻ phạm tội nguy hiểm đang chạy trốn, nếu những kẻ ấy không chịu nghe lệnh ngăn cấm của cảnh sát [56, tr.24].

Tuy vậy như đã phân tích đó cũng chỉ là những quy định đơn hành, mang tính chất chung chung mà chưa rõ về mục đích của thực hiện hành vi, thực hiện hành vi chống trả đến mức độ nào, gây thiệt hại lớn hơn được hay không. Chính điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất đặc biệt là những trường hợp gây ra hậu quả chết người. Và để giải quyết kịp thời

nội dung này tại Bản tổng kết số 452-HS2 ngày 10 tháng 6 năm 1970 của Tòa án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử loại tội giết người có hướng dẫn về trường hợp giết người vượt quá phạm vi phòng vệ cần thiết. Bản tổng kết chỉ rõ hành vi giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là trường hợp kẻ bị giết đang có hành động trái phép trực tiếp đe dọa thân thể của bị cáo hoặc của người khác, hoặc đe dọa lợi ích cách mạng, của nhân dân, mà bị cáo muốn kịp thời đối phó để bảo vệ, nên đã giết người và biện pháp này rõ ràng là quá đáng, không tương xứng với mức độ của mối nguy hiểm đang đe dọa. Do biện pháp bảo vệ đã vượt quá mức cần thiết, do nên đây là một tội phạm về hình sự nhưng có hoàn cảnh phần nào cần bảo vệ một lợi ích chính đáng và có động cơ của can phạm cũng là muốn bảo vệ lợi ích đó, cho nên mức án cần được xử nhẹ hơn thông thường.

Bản tổng kết cũng nêu lại nội dung của Nghị định số 301-Ttg ngày 10 tháng 7 năm 1957, khi có đủ các điều kiện tại Điều 22 của Nghị định thì pháp luật cho phép sử dụng vũ khí, nên việc bắn chết người được coi là cần thiết, không có tội. Trường hợp được hướng dẫn giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, ngoài phạm vi các trường hợp nói trên, đáng lẽ người đương thi hành nhiệm vụ không có quyền sử dụng vũ khí, mà họ đã dùng, gây nên chết người, rõ ràng là vượt quá phạm vi cần thiết. Những người bị hô đứng lại để khám xét, bắt giữ đã bỏ chạy, làm cho trật tự xã hội, cụ thể là yêu cầu tuân thủ mệnh lệnh của người có thẩm quyền yêu cầu bắt giữ hoặc khám những kẻ đang bị nghi có hành vi phạm pháp, bị đe dọa. Nhưng để bảo vệ trật tự xã hội đó, chưa cần thiết phải sử dụng vũ khí, mà họ đã dùng. Cho nên đây cũng chỉ là một trường hợp đặc biệt coi như đã giết người vượt quá phạm vi phòng vệ cần thiết.

Quy định ở các văn bản nêu trên đều hướng dẫn về những trường hợp cụ thể của phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

mà chưa nêu lên khái niệm phòng vệ chính đáng. Đến bản tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong công tác xét xử về hình sự, mặc dù vẫn chưa quy định cụ thể về khái niệm phòng vệ chính đáng nhưng đã nêu được những nội dung chính thuộc về bản chất của phòng vệ chính đáng, đó là mục đích của người phòng vệ, biện pháp thực hiện quyền phòng vệ, cụ thể tại Mục B- Những tình tiết giảm nhẹ thuộc về phương diện chủ quan của tội phạm, nội dung 1. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong khi ngăn ngừa một hành vi nguy hại cho xã hội nêu rõ: Đây là trường hợp chống lại những kẻ đang có hành vi phi pháp xâm phạm đến những lợi ích của xã hội, của bản thân người phòng vệ hay của một người nào khác, có quan hệ hay không có quan hệ với người phòng vệ, như chống trả lại những tên đang có hành vi giết người, hiếp dâm, cướp của..., nhưng việc chống trả lại là quá đáng, so với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công. Như bị đánh vô cớ, đáng lẽ chỉ đánh trả lại để phòng vệ là đủ, nhưng lại gây thương tích nặng không cần thiết. Hướng dẫn cũng nêu rõ tình tiết phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được thực tiễn xét xử coi là một tình tiết giảm nhẹ nhiều [57, tr.113]. Trường hợp lợi ích được bảo vệ ít quan trọng, mà sự thiệt hại gây ra cho người xâm phạm lợi ích ấy lại quá lớn, như: bắn chết hoặc đánh thành thương nặng một tên trộm cắp vặt con gà, buồng cau, hoa quả trên cây, thì không được coi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng để xử nhẹ.

Đến chỉ thị số 73- Tòa án nhân dân tối cao ngày 02 tháng 6 năm 1980 đã tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn cách phân biệt các trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, phạm tội do sử dụng vũ khí ngoài trường hợp pháp luật cho phép trong khi thi hành công vụ, với các trường hợp phạm tội thông thường. Mặt khác chỉ thị 73 có tác dụng nâng cao chất lượng xét xử và góp phần nâng cao ý thức thận trọng của người sử dụng

vũ khí để phòng vệ hoặc trong khi thi hành công vụ. Tiếp sau chỉ thị số 73 năm 1980, nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn công tác đấu tranh phòng chống tội phạm Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành chỉ thị số 07- Tòa án nhân dân tối cao ngày 22 tháng 12 năm 1983 thay thế chỉ thị số 73, ngay đoạn đầu tiên chỉ thị số 07 đã xác định rõ bên cạnh những nội dung như phân biệt các trường hợp phòng vệ, góp phần nâng cao chất lượng xét xử thì việc ban hành chỉ thị còn nhằm: Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của mọi công dân bảo vệ lợi ích của Nhà nước đồng thời chống mọi biểu hiện coi thường mệnh lệnh đúng đắn của người có chức vụ, quyền hạn đang thi hành công vụ, phản ứng tiêu cực đối với những người đấu tranh ngăn ngừa tội phạm;

Bảo đảm sự hoạt động đúng đắn của người có chức vụ, quyền hạn, nhưng chống thái độ hách dịch, coi thường quần chúng, tệ quan liêu, mệnh lệnh, thậm chí coi rẻ tính mạng của người khác.

Chỉ thị số 07/1983 được ban hành khi mà đã có dự thảo phần chung được Quốc hội khóa VII kỳ họp thứ 5 thông qua sơ bộ, do đó ở chỉ thị đã nêu lên khái niệm phòng vệ chính đáng, đặc biệt chỉ thị đã nêu rõ cần phân biệt ranh giới giữa phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, qua đó nêu rõ điều kiện để được coi là phòng vệ chính đáng khi có hành vi chống trả lại hành vi xâm hại vào lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc lợi ích chính đáng của công dân. Có thể nói cùng với Nghị quyết số 02/1986/HĐTP thì chỉ thị số 07 là văn bản quan trọng để xác định một hành vi chống trả như thế nào thì được coi là phòng vệ chính đáng. Theo đó tại phần A, mục I của chỉ thị nêu rõ:

Hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm, khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: Hành vi xâm hại lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc lợi ích chính

đáng của công dân phải có tính nguy hiểm cho xã hội với mức độ đáng kể, mặc dù không nhất thiết phải là một hành vi phạm tội; Hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là đã bắt đầu, nếu nó đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng hoặc sức khỏe của người xâm hại không được coi là phòng vệ chính đáng; Hành vi phòng vệ chính đáng được thực hiện không chỉ nhằm gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà có thể bằng cách tích cực, chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại và do đó chỉ có thể là cố ý; Hành vi phòng vệ phải tương xứng với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Tại Chỉ thị số 07/1983 cũng nêu giải thích rõ cụm từ tương xứng:

Tương xứng không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ. Giữa hai thiệt hại đó có thể không có sự phù hợp về lượng hoặc về chất, chỉ miễn là không có sự chênh lệch quá đáng sau khi cân nhắc tính chất quan trọng của lợi ích được bảo vệ bằng phòng vệ chính đáng, sức mạnh của sự xâm hại, khả năng và hoàn cảnh thực tế của người phòng vệ.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Bộ luật hình sự 1985 ra đời là một thành tựu lớn của trí tuệ lập pháp hình sự nước ta, đã có tác dụng to lớn trong công cuộc bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, góp phần tích cực vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa [29]. Bộ luật hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27/6/1985 là Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện quy phạm pháp luật về hình sự.

Trong Bộ luật hình sự năm 1985, chế định phòng vệ chính đáng lần đầu tiên đã được các nhà làm luật nước ta chính thức quy định về mặt lập pháp tại Điều 13:

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ lợi ích chính đáng của chính mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách tương xứng người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Nếu hành vi chống trả rõ ràng là quá đáng, tức là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì người có hành vi đó phải chịu trách nhiệm hình sự [45].

Để hướng dẫn quy định này của Bộ luật hình sự, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự như sau:

Hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đầy đủ các dấu hiệu sau đây:

- Hành vi xâm hại những lợi ích cần phải bảo vệ phải là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội;

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần phải bảo vệ;

- Phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho chính người xâm hại;

- Hành vi phòng vệ phải cần thiết với hành vi xâm hại, tức là không có sự chênh lệch quá đáng giữa hành vi phòng vệ với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại [22].

Tương xứng không có nghĩa là thiệt hại do người phòng vệ gây ra cho người xâm hại phải ngang bằng hoặc nhỏ hơn thiệt hại do người xâm hại đe

dọa gây ra hoặc đã gây ra cho người phòng vệ. Như vậy, để xem xét hành vi chống trả có tương xứng hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết có liên quan đến hành vi xâm hại và hành vi phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra hoặc đã gây ra và do hành vi phòng vệ gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên đã sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh và nơi xảy ra sự việc... Ngoài ra, cũng phải chú ý yếu tố tâm lý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ.

Lưu ý, nếu sau khi đã xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức thì bị coi là không tương xứng và là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Ngược lại, nếu hành vi chống trả là tương xứng thì đó là phòng vệ chính đáng.

Có thể nói chế định phòng vệ chính đáng quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985 đã thể hiện tính khoa học và tương đối chính xác về mặt kỹ thuật lập pháp. Tuy nhiên qua thực tiễn áp dụng cho thấy bên cạnh những mặt tích cực quy định này còn bộc lộ những hạn chế nhất định dẫn tới khó khăn trong áp dụng.

1.2.4. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay

Tại điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người

khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đến Bộ luật hình sự năm 1999 đã không dùng thuật ngữ “tương xứng” mà thay thế bằng thuật ngữ “cần thiết” tuy không làm thay đổi bản chất của chế định phòng vệ chính đáng nhưng làm cho việc vận dụng chế định này trong thực tiễn đấu tranh có hiệu quả hơn.

Trong luật hình sự năm 1999 cũng quy định một số tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng như:

Điều 96 Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

“Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến hai năm”

Điều 106 Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

“Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến 1 năm”

Trong 15 năm tồn tại và có hiệu lực, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã góp phần tích cực trong công tác đấu tranh chống lại những hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà Nước, tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng thời nhắc nhở, giáo dục mọi người ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về phòng vệ chính đáng trên toàn quốc.

1.3. CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC

Cũng giống như luật Hình sự Việt Nam, Luật Hình sự của các nước trên thế giới bên cạnh việc quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm còn có các quy định cho phép các cá nhân được phép gây ra những thiệt hại nhất định cho xã hội để bảo vệ các lợi ích hợp pháp, trong đó có phòng vệ chính đáng. Để đánh giá quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này, chúng ta cần đối chiếu nó với quy định của pháp luật hình sự một số quốc gia về vấn đề phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự Liên bang Nga được Đuma Quốc gia (Hạ viện Liên bang Nga) thông qua ngày 24/5/1996 và Hội đồng liên bang Nga (Thượng viện Liên bang Nga) phê chuẩn ngày 05 tháng 6 năm 1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Bộ luật này đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Các quy định về phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Chương 8 với tên gọi “Những tình tiết loại trừ tính chất phạm tội của hành vi” và Điều 37 Bộ luật hình sự về “*Phòng vệ chính đáng*” quy định cụ thể như sau:

Điều 37: Phòng vệ chính đáng

1. Không phải là tội phạm khi gây thiệt hại trong trạng thái phòng vệ chính đáng trước người có hành vi nguy hiểm, xâm hại đến cá nhân, đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phòng vệ hoặc những người khác, của xã hội hoặc Nhà nước, nếu sự xâm hại này sử dụng vũ lực hoặc trực tiếp đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng người phòng vệ hoặc người khác.

2. Bảo vệ trước sự xâm hại, khi sự xâm hại này không sử dụng vũ lực

hoặc không trực tiếp đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng người phòng vệ hoặc người khác, là hợp pháp nếu không vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nghĩa là không có những hành động cố ý không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

2-1. Những hành động của người phòng vệ được coi là không vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nếu người này đã không thể đánh giá đúng mức tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công do sự xâm hại xảy ra quá bất ngờ (khoản 2-1 được đưa vào sửa đổi theo Luật Liên bang ngày 08 tháng 12 năm 2003 N 162-FD – Tổng tập Luật Liên bang, 2003, N 50, trang 4848)..

3. Các quy định của Điều luật này được áp dụng ngang nhau đối với tất cả mọi người, không phụ thuộc vào trình độ học vấn, chuyên môn và vị trí nghề nghiệp, không phụ thuộc vào khả năng có tránh khỏi sự xâm hại nguy hiểm hay không hoặc khả năng cầu cứu sự giúp đỡ của người khác hoặc của các cơ quan quyền lực (sửa đổi theo Luật Liên bang ngày 27 tháng 7 năm 2006 N 153-FD – Tổng tập Luật Liên bang, 2006, N 31, trang 3452) [62].

Khoản 1 Điều luật đã chỉ rõ, được coi là phòng vệ chính đáng khi hành vi gây thiệt hại trước người có hành vi nguy hiểm, xâm hại đến cá nhân, đến quyền và lợi ích hợp pháp của người phòng vệ hoặc những người khác, của xã hội hoặc nhà nước nếu sự xâm hại này sử dụng vũ lực hoặc trực tiếp đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng người phòng vệ hoặc người khác.

Như vậy theo quy định của Bộ Luật Hình sự Liên bang Nga thì mọi hành vi chống trả lại hành vi dùng vũ lực xâm hại các lợi ích hợp pháp đều được coi là phòng vệ chính đáng. Đây là quy định rõ ràng, thể hiện sự khác biệt với quy định không rõ ràng của Luật Hình sự Việt Nam. Trong trường hợp này, vấn đề vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng không đặt ra.

Ở khoản 2 đã nêu trường hợp phòng vệ khi người xâm hại không sử

dụng vũ lực được coi là phòng vệ chính đáng nếu không vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Cũng trong khoản 2 này, Điều luật đã quy định về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đó là khi người xâm hại không sử dụng vũ lực nhưng người phòng vệ có những hành động cố ý không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Điểm 2-1 trong khoản 2 cũng quy định, cũng được coi là phòng vệ chính đáng nếu người phòng vệ đã không thể đánh giá đúng mức về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tấn công xâm do sự xâm hại xảy ra quá bất ngờ. Quy định này được bổ sung vào Luật Hình sự Liên bang Nga theo Luật sửa đổi bổ sung Luật Liên bang ngày 08 tháng 12 năm 2003.

Bên cạnh quy định về phòng vệ chính đáng và vượt qua giới hạn phòng vệ chính đáng tại điều 37, Điều 38 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga còn quy định việc gây thiệt hại trong khi bắt người phạm tội, trong đó có các quy định tương tự như hành vi phòng vệ. Theo quy định này, cũng không phải là tội phạm khi gây thiệt hại cho người phạm tội trong lúc bắt giữ để trao cho các cơ quan quyền lực và để ngăn chặn khả năng thực hiện những tội phạm mới, nếu không còn cách nào khác để bắt giữ người phạm tội và không vượt quá giới hạn các biện pháp cần thiết đối với hành động này. Vượt quá giới hạn các biện pháp cần thiết để bắt giữ người phạm tội là sự không tương xứng rõ rệt của các biện pháp này với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và với hoàn cảnh bắt giữ, khi không cần thiết gây ra thiệt hại quá mức cho phép đối với người bị bắt giữ. Sự vượt quá này phải chịu trách nhiệm hình sự chỉ trong các trường hợp, nếu cố ý gây thiệt hại.

Trong phần các tội phạm cụ thể, Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định 2 tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga quy định tội giết người do vượt quá giới hạn. Điều luật quy định:

Giết người do vượt quá giới hạn của phòng vệ chính đáng thì bị phạt hạn chế tự do đến hai năm hoặc hoặc phạt tù cũng đến hai năm.

Giết người do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội thì bị phạt hạn chế tự do đến ba năm hoặc hoặc phạt tù cũng đến ba năm [62].

Tội cố ý gây tổn hại sức khỏe ở mức độ nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại khoản 1 Điều 114 như sau:

Cố ý gây tổn hại sức khỏe nghiêm trọng do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt hạn chế tự do đến một năm hoặc phạt tù cũng đến một năm (sửa đổi theo Luật Liên bang ngày 27 tháng 12 năm 2009, N 377 - FD – Tổng tập Luật Liên bang Nga, 2009, N 52 trang 6453).

Như vậy, nếu so sánh với Luật Hình sự Việt Nam, quy định của Luật Hình sự Liên bang Nga có phần tương đồng khi xác định các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chỉ có thể là gây thiệt hại về tính mạng hoặc sức khỏe của người có hành vi xâm hại. Tuy nhiên, cần lưu ý theo Luật Hình sự Liên bang Nga, chỉ có thể xem xét vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong trường hợp hành vi xâm hại không sử dụng vũ lực.

1.3.2. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980. Luật này được sửa đổi 5 lần vào các năm 1997, năm 1999, 2001, 2002 và năm 2005.

Vấn đề phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong phần chung được quy định tại Điều 20 thuộc mục 1 tội phạm và trách nhiệm hình sự, chương II về tội phạm, Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa. Điều luật quy định:

Người thực hiện hành vi phòng vệ chính đáng nhằm ngăn chặn hành vi bất hợp pháp xâm hại các lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền nhân thân, tài

sản và các quyền khác của mình hoặc của người khác, gây thiệt hại cho người có hành vi xâm hại bất hợp pháp, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Người có hành vi phòng vệ chính đáng rõ ràng vượt quá giới hạn cần thiết và gây thiệt hại lớn thì phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng cần được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt.

Người có hành vi phòng vệ đối với tội phạm đang hành hung, giết người, cướp của, hiếp dâm, bắt cóc hoặc các tội bạo lực khác, gây thương tích hoặc làm chết người phạm tội, không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ, không phải chịu trách nhiệm hình sự [15, tr.44-45].

Từ quy định trên, có thể thấy, Luật Hình sự của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cũng đã xác định một số trường hợp cụ thể nếu thực hiện hành vi phòng vệ thì luôn được công nhận là phòng vệ chính đáng gồm hành hung, giết người, cướp của, hiếp dâm, bắt cóc hoặc các tội bạo lực khác. Mặc dù quy định này nhấn mạnh việc phòng vệ trong trường hợp giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, bắt cóc nhưng chung quy lại cũng giống như quy định của Luật hình sự Liên bang Nga, việc chống trả lại hành vi xâm hại bằng bạo lực luôn được coi là phòng vệ chính đáng.

Trong Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không có các quy định tội phạm cụ thể do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, mà hành vi phòng vệ vượt quá giới hạn cần thiết chỉ được coi là tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà thôi.

Như vậy nếu hành vi giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người theo điều 232 với tính tiết giảm nhẹ là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, Nếu gây thương tích thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 234.

Có thể thấy rằng Luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân trung hoa

mặc dù cũng ghi nhận vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp này là không rõ ràng.

1.3.3. Bộ luật hình sự Thụy Điển

Bộ luật hình sự Thụy Điển thông qua năm 1962 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1965 và đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Cấu trúc của Bộ luật hình sự Thụy Điển khá đặc biệt khi thứ tự điều luật xác định theo chương. Tất cả các chương đều bắt đầu từ Điều 1. Các vấn đề về phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại Chương 24 thuộc phần II các tội phạm cụ thể với tên gọi “Tự vệ và các tình huống cấp thiết khác” gồm 6 điều luật.

Điều 1 quy định:

Người nào thực hiện một hành vi để tự vệ thì không bị xử phạt.

Một người hành động để tự vệ là người tìm cách:

Ngăn chặn một số tấn công hiện thực hoặc ngay tức khắc của người phạm tội đối với con người hoặc tài sản.

Có hành động cưỡng ép đối với một người dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc có hành động khác cản trở việc thu hồi tài sản khi bị bắt quả tang.

Ngăn chặn một người xâm nhập trái phép một căn phòng, ngôi nhà, tàu, thuyền.

Đuổi khỏi căn phòng, ngôi nhà, tàu, thuyền, người đã xâm nhập trái phép hoặc, trong trường hợp người đó không chịu rời khỏi một nhà ở khi đã có lệnh buộc phải rời khỏi.

Quy định trên áp dụng trong trường hợp hành động tự vệ rõ ràng là có thể biện hộ được (tương xứng) khi xét tính chất của sự tấn công và tầm quan trọng của đối tượng bị tấn công.

Người thực hiện hành vi phòng vệ chỉ bị coi là tội phạm nếu xét đến tính chất nguy hiểm của hành vi tấn công, tầm quan trọng của đối tượng bảo vệ và các tình tiết nói chung thì hành vi này rõ ràng là không chính đáng [60].

Điều 2 quy định:

Nếu một tù nhân hoặc một người đang bị giam giữ hoặc bị tước quyền tự do dưới hình thức khác bỏ trốn và người có nhiệm vụ canh giữ hoặc chịu trách nhiệm về hành vi xử sự của người bị tước quyền tự do đã dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống trả, thì hành động vũ lực đó là có thể biện hộ được nếu xét hoàn cảnh của vụ việc cho thấy việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực là cần thiết để ngăn chặn cuộc chạy trốn hoặc giữ trật tự. Quy định này cũng được áp dụng nếu hành động chống trả là do một người khác ngoài những người đã nói trên thực hiện.

Quyền của nhân viên cảnh sát hoặc nhân viên khác được sử dụng vũ lực được quy định tại Đạo luật về cảnh sát.

Nếu một người có quyền sử dụng vũ lực theo Đoạn 1, Điều này hoặc theo Đạo luật về cảnh sát, thì người hỗ trợ cho người đó cũng có quyền tương tự.

Điều 3 quy định:

Trong trường hợp có binh biến hoặc trong thời gian có chiến sự, cũng như trong những tình huống mà một tội xâm phạm kỷ luật quân đội gây ra sự nguy hiểm đặc biệt thì một quân nhân có thể sử dụng vũ lực cần thiết để giữ kỷ luật quân đội, trực tiếp đối với cấp dưới khi người đó không phục tùng mệnh lệnh.

Các quy định của Đoạn 3, Điều 2 cũng được áp dụng tương tự đối với các trường hợp nói tại Điều này.

Điều 4 quy định:

Người nào ngoài các trường hợp nói tại các điều trước của Chương này mà có hành vi nhằm ngăn chặn sự nguy hiểm cho tính mạng hoặc sức khỏe, cứu tài sản có giá trị hoặc vì những lý do khác, cũng không bị xử phạt nếu hành vi được coi là bào chữa được (chính đáng) nếu xét tính chất của mối nguy hiểm thiệt hại gây ra cho người khác và các tình tiết liên quan.

Qua nội dung các điều luật có thể thấy, Luật hình sự Thụy Điển đã quy định đầy đủ các trường hợp chống trả lại người đang có hành vi xâm hại được coi là hành động tự vệ và không phải chịu trách nhiệm hình sự

Điều 5 quy định về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng không có điều kiện để đánh giá hành vi của mình và trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự với nội dung:

Người nào trong trường hợp nói từ Điều 1-4, Chương này hoặc Điều 10 của Đạo luật về cảnh sát mà sử dụng vũ lực hoặc gây thiệt hại vượt quá mức cho phép trong từng trường hợp, thì vẫn không bị xử phạt nếu trong hoàn cảnh lúc xảy ra sự việc, người đó khó mà kiểm soát được hành vi của mình.

Nếu hành vi nói trên bị coi là phạm tội thì người có hành vi đó được hưởng hình phạt nhẹ hơn so với hình phạt áp dụng đối với tội đó [60].

Ngoài những quy định trên, Luật Hình sự Thụy Điển cũng không quy định các tội phạm cụt hẻ do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Qua nghiên cứu quy định về phòng vệ chính đáng trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới có thể thấy, pháp luật của các nước trên thế giới đều có những quy định nhằm bảo vệ những người có hành vi chống trả lại hành vi xâm hại để bảo vệ các lợi ích hợp pháp.

Pháp luật của các nước cũng đều quy định, nếu phòng vệ mà vượt quá mức cần thiết, mức pháp luật cho phép thì phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng nhẹ hơn trường hợp gây ra hậu quả tương tự trong các trường hợp khác.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TẠI TÂY NGUYÊN

2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Trong nội dung này, luận văn sẽ làm rõ những quy định và dấu hiệu của tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo BLHS 1999:

2.1.1. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 – Bộ luật hình sự)

Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây thiệt hại về tính mạng cho người có hành vi xâm hại.

2.1.1.1. Khách thể của tội phạm

Tội phạm xâm phạm đến quyền được sống của con người. Cuộc sống của mỗi con người bắt đầu từ thời điểm lọt lòng người mẹ và đến khi tắt thở, tìm ngừng đập theo quy luật của cuộc sống tự nhiên.

Đối tượng tác động của tội phạm là thân thể của người đang có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân.

2.1.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

Tội phạm này được thể hiện ở hành vi tước đoạt cuộc sống của người đang có hành vi xâm hại vào lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc của người khác.

Hành vi khách quan được thể hiện bằng hành động dùng sức mạnh vật

chất tác động lên thân thể của nạn nhân bằng các cách thức khác nhau như dùng tay chân đấm đá, dùng vũ khí... Việc dùng sức mạnh có thể có sự hỗ trợ của các loại công cụ, phương tiện để tác động vào nạn nhân.

Để thấy được đặc trưng của hành vi giết người trong trường hợp này và phân biệt hành vi này khác với các tội giết người khác cần xác định tình huống xảy ra chứa đựng những dấu hiệu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nạn nhân là người có hành vi xâm hại vào lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi xâm hại của nạn nhân có thể là hành vi phạm tội hoặc là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Hành vi xâm hại của nạn nhân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích hợp pháp của con người. Hành vi xâm hại phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể làm phát sinh quyền phòng vệ.

Hành vi tấn công xâm hại các lợi ích hợp pháp của nạn nhân có thể là hành vi phạm tội nhưng cũng có thể là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải là tội phạm như do người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của người không có năng lực trách nhiệm hình sự...

Thứ hai, hành vi xâm hại của nạn nhân phải đang diễn ra (đã bắt đầu mà chưa kết thúc).

Hành vi xâm hại đang xảy ra có nghĩa là: hành vi xâm hại đã bắt đầu nhưng chưa kết thúc, hành vi đó đang gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại ngay tức khắc cho các quan hệ xã hội được luật Hình sự bảo vệ. Thời điểm hành vi xâm hại bắt đầu xảy ra, là đã thực hiện những hành vi khách quan được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể. Cũng có trường hợp hành vi xâm hại chưa xảy ra, nhưng có nguy cơ xảy ra ngay tức khắc, trường hợp này cũng được coi là phòng vệ chính đáng. Sự cho phép này là một sự cần thiết khách quan, nhằm tạo điều kiện chủ động cho người phòng vệ ngăn chặn sự tấn công được kịp thời và có hiệu quả.

Đây là khoảng thời gian pháp luật cho phép thực hiện quyền phòng vệ để chống trả lại nhằm đề bẹp hành vi xâm hại.

Thứ ba, Hành vi tấn công của người phạm tội phải tác động trực tiếp lên cơ thể của người có hành vi xâm hại.

Thứ tư, hành vi phòng vệ của người phạm tội là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Để xem xét hành vi chống trả có cần thiết hay không, có rõ ràng là quá đáng hay không, thì phải xem xét toàn diện những tình tiết liên quan đến hành vi xâm hại và phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ; mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra; vũ khí, phương tiện, phương pháp mà hai bên sử dụng; nhân thân của người xâm hại; cường độ của sự tấn công và của sự phòng vệ; hoàn cảnh xảy ra sự việc.v.v...Đồng thời cũng phải chú ý đến yếu tố tâm ý của người phải phòng vệ có khi không thể có điều kiện để bình tĩnh lựa chọn được chính xác phương pháp, phương tiện chống trả thích hợp, nhất là trong trường hợp họ bị tấn công bất ngờ. Sau khi xem xét một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên mà nhận thấy rõ ràng là trong hoàn cảnh, sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng là quá đáng và đã gây thiệt hại rõ ràng quá mức đối với hành vi xâm hại thì coi hành vi chống trả là không cần thiết và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Nếu so sánh với những dấu hiệu của phòng vệ chính đáng thì vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả (phòng vệ) quá mức cần thiết so với hành vi xâm hại và rõ ràng là quá đáng gây nên cái chết không cần thiết cho người có hành vi xâm hại. Như vậy, giữa “hậu quả làm chết người trong phòng vệ chính đáng” và “tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” chỉ khác nhau ở dấu hiệu thứ tư, hành vi phòng vệ chính đáng vượt quá mức cần thiết so với hành vi xâm hại.

Hậu quả của tội phạm là làm chết người có hành vi xâm hại. Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này. Đối với các hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì hậu quả đến đâu thì xử lý theo tội danh đến đó, vì vậy phải có hậu quả chết người mới có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Khi xác định tội phạm cần xem xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả xảy ra. Đây cũng là yếu tố bắt buộc. Yếu tố này đòi hỏi phải làm rõ được hậu quả chết người đó là do chính những tác động bằng vũ lực của người phòng vệ gây ra chứ không phải do nguyên nhân nào khác. Nếu có hậu quả chết người xảy ra nhưng những tác động quá mức cần thiết của người phòng vệ lên cơ thể nạn nhân chưa đến mức gây ra cái chết cho nạn nhân, mà cái chết đó do những nguyên nhân khác thì người thực hiện hành vi phòng vệ quá mức cần thiết không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này.

2.1.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý.

Về lí trí, khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi xâm hại, người phạm tội đều xác định được làm như thế là nguy hiểm và có thể gây ra cái chết cho người có hành vi xâm hại

Về ý chí, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi tấn công lại để dập tắt sự xâm hại. Với hậu quả, có thể họ xác định rõ hậu quả sẽ là chết người và cho rằng chỉ có hậu quả đó xảy ra mới chấm dứt được hành vi xâm hại nên hướng hành vi vào để đạt được hậu quả đó, nhưng cũng có thể chủ thể không xác định trước hậu quả nhưng bỏ mặc cho hậu quả xảy ra(hậu quả đến đâu thì đến, miễn là dập tắt được hành vi xâm hại) miễn là dập tắt được hành vi xâm hại.

Động cơ phạm tội của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ

chính đáng là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Động cơ thúc đẩy người phạm tội đi đến việc thực hiện hành vi chống trả gây ra cái chết cho nạn nhân là để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

Mục đích của người phạm tội là nhằm làm cho người có hành vi xâm hại không thể tiếp tục thực hiện hành vi xâm hại.

2.1.1.4. Chủ thể của tội phạm

Tội phạm này được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tức là người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Mức cao nhất của hai khung hình phạt quy định cho tội phạm này chỉ là 2 năm và 5 năm, nên tội phạm này chỉ là ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Vì vậy chủ thể của tội phạm phải từ đủ 16 tuổi trở lên từ đủ.

2.1.1.5. Hình phạt

Điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm ở cấu thành cơ bản (khoản 1).

Khoản 2 (cấu thành tăng nặng) quy định tình tiết giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm.

2.1.2. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 – Bộ luật hình sự)

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe cho người có hành vi xâm hại.

2.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Tội phạm này xâm phạm vào quyền bảo hộ về sức khỏe của con người.

Sức khỏe của con người là tình trạng sức lực của con người đang sống trong điều kiện bình thường. Xâm phạm về sức khỏe con người là thông qua sự tác động làm cho người đó mất đi một phần hay toàn bộ sức lực có sẵn của chính người đó, làm cho họ khó khăn trong cử động, hoạt động so với trước khi họ bị hành vi xâm hại tác động tới.

Đối tượng tác động của tội phạm là thân thể của người đang có hành vi xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có các loại hành vi khách quan sau:

- Gây thương tích cho người có hành vi xâm hại là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của người đó làm cho bộ phận của cơ thể bị biến dạng không còn trạng thái và tính năng bình thường ban đầu. Việc dùng sức mạnh vật chất có thể dùng chân tay hoặc các công cụ phương tiện hỗ trợ như dao, súng, gậy... tác động lên các bộ phận trên cơ thể.

- Gây tổn hại cho sức khỏe của người có hành vi xâm hại là dùng sức mạnh vật chất tác động lên thân thể của con người làm cho sức khỏe của nạn nhân yếu đi, không còn nguyên vẹn như trước mặc dù không để lại dấu vết trên thân thể họ.

Tính đặc trưng của hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp này giống với những yếu tố đặc trưng của tình huống giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đó là:

Thứ nhất, nạn nhân là người có hành vi xâm hại vào lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hành vi xâm hại của nạn nhân có thể là hành vi phạm tội hoặc là hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Thứ hai, hành vi xâm hại của nạn nhân phải đang diễn ra (đã bắt đầu mà chưa kết thúc).

Thứ ba, Hành vi tấn công của người phạm tội phải tác động trực tiếp lên cơ thể của người có hành vi xâm hại.

Thứ tư, hành vi phòng vệ của người phạm tội là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Về dấu hiệu hậu quả: Điều luật quy định tỷ lệ thương tật cho nạn nhân phải từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Dấu hiệu hậu quả của tội phạm này được xác định ở mức độ thương tích hoặc gây nên mức độ tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân từ 31% trở lên hoặc gây chết người. Đây là dấu hiệu bắt buộc để cấu thành tội phạm.

Hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây chết người cho người có hành vi xâm hại rõ ràng là quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại.

Khi xác định tội phạm cần xem xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả xảy ra. Đây cũng là yếu tố bắt buộc. Yếu tố này đòi hỏi phải làm rõ được thương tích hay tổn hại sức khỏe cho nạn nhân là do chính những tác động bằng vũ lực của người phòng vệ gây ra chứ không phải do nguyên nhân nào khác.

Đối với trường hợp chết người xảy ra, chỉ định tội này khi hậu quả chết người không phải là nguyên nhân trực tiếp từ hành vi tấn công của người phạm tội. Có nghĩa là những tác động của người phạm tội lên cơ thể nạn nhân không thể gây ra cái chết cho nạn nhân mà việc nạn nhân bị chết là xuất phát từ nguyên nhân khác nhưng có quan hệ mật thiết với hành vi tấn công.

2.1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Về lí trí, khi thực hiện hành vi chống trả lại hành vi xâm hại, người

phạm tội đều xác định được làm như thế là nguy hiểm và có thể gây ra thương tích cho người có hành vi xâm hại.

Về ý chí, người phạm tội mong muốn thực hiện hành vi tấn công lại để dập tắt sự xâm hại. Với hậu quả, có thể họ xác định rõ hậu quả sẽ gây thương tích cho người có hành vi xâm hại và cho rằng chỉ có hậu quả đó xảy ra mới chấm dứt được hành vi xâm hại nên hướng hành vi vào để đạt được hậu quả đó, nhưng cũng có thể chủ thể không xác định trước hậu quả nhưng bỏ mặc cho hậu quả xảy ra (hậu quả đến đâu thì đến, miễn là dập tắt được hành vi xâm hại) miễn là dập tắt được hành vi xâm hại.

Động cơ phạm tội là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Động cơ thúc đẩy người phạm tội đi đến việc thực hiện hành vi chống trả gây ra thương tích cho nạn nhân là để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.

Mục đích của người phạm tội là nhằm làm cho người có hành vi xâm hại không thể tiếp tục thực hiện hành vi xâm hại.

2.1.2.4. Chủ thể của tội phạm

Tội phạm này được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tức là người không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Mức cao nhất của hai khung hình phạt quy định cho tội phạm này chỉ là 1 năm và 3 năm, nên tội phạm này chỉ là ít nghiêm trọng. Vì vậy, chủ thể của tội phạm phải từ đủ 16 tuổi trở lên từ đủ.

2.1.2.5. Hình phạt

Trong khoản 1 (cấu thành cơ bản) quy định hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

Trong khoản 2 (cấu thành tăng nặng) quy định hình phạt tù từ một năm đến ba năm cho trường hợp phạm tội đối với nhiều người.

2.2. THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2014

2.2.1. Tình hình chính trị, kinh tế xã hội trên địa bàn Tây Nguyên

Tây Nguyên có tổng diện tích 54,460km², gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, có 58 đơn vị hành chính cấp huyện, 691 đơn vị hành chính cấp xã, hơn 6,9 nghìn thôn, buôn, bon, làng, tổ dân phố. Tây Nguyên bao gồm 4 tỉnh có đường biên giới giáp với hai nước Lào và Cam-pu-chia dài 590km, với 4 cửa khẩu quốc tế. Tây Nguyên hiện nay thực sự là vùng đất đa dân tộc, đa văn hóa, nơi cư trú của 47 dân tộc anh em, với rất nhiều đặc trưng, sắc thái của nhiều tộc người, nhiều địa phương trong cả nước hội tụ; đồng thời cũng là nơi có tốc độ tăng dân số và biến động về cơ cấu dân cư nhanh nhất cả nước. Một trong những nguyên nhân chính là do tình trạng di cư tự do kéo dài nhiều năm, đến nay vẫn còn diễn ra phức tạp. Sự sôi động của làn sóng di cư tự do vào Tây Nguyên là một hiện tượng xã hội đặc biệt bởi quy mô của nó lớn và kéo dài. Hiện nay, dân số toàn vùng đã lên đến 5.107.437 người, đồng bào DTTS tại chỗ chỉ còn chiếm 25,5% (1.302.396 người); đồng bào Kinh chiếm 66,9% (3.416.875 người), các DTTS nơi khác đến chiếm 7,6% (388.166 người).

Với sự phức tạp của kết cấu dân cư như vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự nói chung và tình hình tội phạm trên địa bàn.

Cùng với những đặc điểm nói trên, trong thời gian qua, địa bàn tây nguyên trở thành một trong những địa bàn kinh tế trọng điểm của cả nước đã thu hút một lượng lớn doanh nhân và người lao động cả trong nước lẫn nước ngoài đến làm ăn đã làm cho tình hình thêm phức tạp. So với các khu vực khác, dân trí khu vực Tây Nguyên chưa thực sự cao, trong khi đó các mâu thuẫn trong xã hội ngày càng phức tạp từ mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn trong văn hóa, mâu thuẫn giàu nghèo... làm cho xung đột xã hội xảy ra nhiều hơn.

Những yếu tố trên đã làm cho các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe

của con người ngày càng diễn biến phức tạp, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, sự mạnh động của con người trong hành xử ngày càng trầm trọng làm cho tính mạng, sức khỏe của con người đứng trước nguy cơ bị đe dọa bất cứ lúc nào.

2.2.2. Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên

Nghiên cứu thực tiễn điều tra, truy tố xét xử các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng trong thời gian 05 năm (2010 - 2014) trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm đồng cho thấy:

2.2.2.1. Về công tác điều tra

Theo báo cáo tổng hợp của Công an các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2010-2014, Cơ quan điều tra Công an các cấp thuộc địa bàn các tỉnh Tây nguyên đã thụ lý điều tra 1012 vụ giết người - 1316 bị can, trong đó Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kon Tum thụ lý điều tra 169 vụ, Cơ quan Điều tra công an tỉnh Gia Lai thụ lý điều tra 217 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thụ lý điều tra 243 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông thụ lý điều tra 159 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng thụ lý điều tra 224 vụ.

Bảng 2.1: Bảng thông kê số vụ án giết người mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Năm \ Tỉnh	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	31	37	36	28	37	169
2011	37	47	55	32	49	220
2012	33	42	51	31	45	202
2013	32	41	47	34	47	201
2014	36	50	54	34	46	220
Tổng cộng	169	217	243	159	224	1012

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Trong số đó, có 5 vụ được xác định là không phạm tội do phòng vệ chính đáng, tội phạm giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là 23 vụ.

Bảng 2.2. Bảng thông kê số vụ án giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Tỉnh Năm	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	1	1	2	0	1	5
2011	1	1	2	1	1	6
2012	2	1	1	0	2	6
2013	0	1	0	1	1	3
2014	0	1	1	1	0	3
Tổng cộng	4	5	6	3	5	23

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Cơ quan điều tra Công an các cấp thuộc địa bàn các tỉnh Tây nguyên đã thụ lý điều tra tổng cộng 7744 vụ, trong đó Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kon Tum thụ lý điều tra 1594 vụ, Cơ quan Điều tra công an tỉnh Gia Lai thụ lý điều tra 1929 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thụ lý điều tra 2070 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông thụ lý điều tra 828 vụ, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng thụ lý điều tra 1323 vụ.

Bảng 2.3: Thống kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Tỉnh Năm	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	247	372	412	134	264	1429
2011	372	408	423	183	271	1657
2012	323	322	396	134	237	1412
2013	337	343	402	169	266	1527
2014	315	484	437	208	285	1729
Tổng cộng	1594	1929	2070	828	1323	7744

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Trong số đó, có 47 vụ được xác định là không phạm tội do phòng vệ chính đáng, tội phạm cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là 78 vụ. Nếu xét về tỉ lệ, thì vụ việc được xác định là phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chiếm tỉ lệ thấp trong các tội phạm tương ứng. Trong các vụ giết người, có 0,49% được coi là phòng vệ chính đáng, 2,3% số vụ được Cơ quan điều tra xác định là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có 0,61% số vụ được xác định là phòng vệ chính đáng, 1,01% số vụ được xác định là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Bảng 2.4: Bảng thông kê số vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà Cơ quan điều tra Công an các tỉnh Tây Nguyên đã thụ lý điều tra từ năm 2010 đến năm 2014

Tỉnh Năm	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	2	3	3	0	1	9
2011	2	6	7	2	3	20
2012	4	4	6	1	2	17
2013	3	2	4	1	5	15
2014	1	5	6	2	3	17
Tổng cộng	12	20	26	6	14	78

(Nguồn: Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Sau khi kết thúc điều tra, hồ sơ vụ án được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố 989 vụ án giết người (tỷ lệ 97,7%), đình chỉ điều tra 5 vụ (tỷ lệ 0,49%), tạm đình chỉ điều tra 14 vụ (tỷ lệ 1,38%), chuyển tỉnh khác điều tra 4 vụ (chiếm tỉ lệ 0,39%).

Các vụ án giết người bị đình chỉ điều tra đều được xác định là phòng vệ chính đáng. Các vụ án tạm đình chỉ điều tra đảm bảo có căn cứ, đúng quy

định pháp luật và thuộc các trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can hoặc chưa biết bị can hiện đang ở đâu.

Đối với tội cố ý gây thương tích, sau khi kết thúc điều tra, hồ sơ vụ án được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố 7264 vụ (tỷ lệ 93,8%), đình chỉ điều tra 326 vụ (tỷ lệ 4,21%), tạm đình chỉ điều tra 142 vụ (tỷ lệ 1,83%), chuyển tỉnh khác điều tra 12 vụ (chiếm tỉ lệ 0,15%).

Trong các vụ án cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác bị đình chỉ điều tra có 47 (tỉ lệ 0,6%) vụ được xác định là phòng vệ chính đáng, 34 vụ được xác định hành vi không cấu thành tội phạm, 242 vụ người bị hại rút yêu cầu khởi tố, 3 vụ người phạm tội chết. Các vụ án tạm đình chỉ điều tra đều thuộc các trường hợp hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can hoặc chưa biết bị can hiện đang ở đâu.

Số vụ án do VKSND trả hồ vụ án cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung là 779 vụ, chiếm tỷ lệ 8,9% trong tổng số vụ án và 9,4% số vụ đã chuyển VKSND đề nghị truy tố. Các trường hợp trả điều tra bổ sung chủ yếu để thu thập các chứng cứ bổ trợ, còn các chứng cứ cơ bản để chứng minh các vấn đề quan trọng của vụ án đã được thu thập. Số vụ án phải trả điều tra bổ sung dưới 10% là tỉ lệ chấp nhận được.

2.2.2.2. Công tác truy tố, xét xử

Giai đoạn 2010 - 2014, VKSND và Tòa án nhân dân các cấp trong địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đã truy tố, xét xử 101 vụ án về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng với 126 bị cáo.

Bảng 2.5: Bảng thông kê số vụ án về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đã đưa ra xét xử từ năm 2010 đến năm 2014

Tỉnh Năm	Kon Tum	Gia Lai	Đắk Lắk	Đắk Nông	Lâm Đồng	Tổng
2010	3	4	5	0	2	14
2011	3	7	9	3	4	26
2012	6	5	7	1	4	23
2013	3	3	4	2	6	18
2014	1	6	7	3	3	20
Tổng cộng	16	25	32	9	19	101

(Nguồn: Tòa án nhân dân các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), Báo cáo tổng kết các năm).

Qua số liệu thống kê cho thấy, tình hình tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng không nhiều nhưng diễn biến phức tạp, tăng giảm không đều.

Tuy nhiên do tính phức tạp của loại án này cho nên hai năm gần đây việc xem xét các yếu tố liên quan đến phòng vệ chính đáng có phần giảm so với trước đây.

2.3. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG XỬ LÝ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Thực tiễn xử lý các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cho thấy, bên cạnh việc xác định đúng, chính xác và có căn cứ các trường hợp phòng vệ chính đáng để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, thì việc xác định vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đúng đắn cũng góp phần xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội. Tuy nhiên, là một vấn đề khá phức tạp trong thực tiễn áp dụng, trong quá trình nghiên cứu, khảo sát thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, chúng tôi nhận thấy có một số tồn tại trong thực tiễn như sau:

Một là, một số trường hợp chưa xác định được ranh giới chính xác trường hợp nào là phòng vệ chính đáng, trường hợp nào không phải là phòng vệ chính đáng bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ví dụ: Ngày 10/10/2011, Vũ Văn Minh (1982) dẫn 2 người trong họ hàng là Vũ Văn Hạnh (1980) và Phạm Như Ý (1979) cầm gậy từ xã Tân Châu đến xã Tân Nghĩa – huyện Di Linh – Lâm Đồng để giải quyết mâu thuẫn với gia đình ông Lý Văn Truyện (55 tuổi). Đến nơi, Hạnh xông vào nhà vung gậy đánh Truyện đang ngồi uống nước một mình. Truyện vụt chạy vào góc nhà cầm con dao và gọi con trai là Lý Văn Vui đang ngồi chơi ra tiếp ứng. Lúc này bà Trần Thị Mai (vợ Truyện) vừa đi làm về bị bọn Hạnh xông vào đánh cho ngất xỉu. Truyện xông ra đánh lại nhưng bị rút dao. Lập tức Truyện giật cây gậy của Hạnh và Vui cũng cầm gậy lao vào đánh túi bụi nhóm của Hạnh. Hai bên đánh nhau khoảng 4-6 phút. Hậu quả Phạm Như Ý chết do chấn thương sọ não vùng đỉnh máu tụ dưới màng cứng thái dương, phù não nặng; Vũ Văn Hạnh bị thương tật 38%; Vũ Văn Minh bị gãy tay nhưng không đi giám định. Ông Lý Văn Truyện bị thương tật 22%, Lý Văn Vui bị thương tật 12%, bà Trần Thị Mai bị trầy xước nhẹ.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2012/HSST ngày 20/4/2012 Tòa án sơ thẩm huyện Di Linh xử phạt Vũ Văn Minh, Vũ Văn Hạnh, từ 30 đến 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 BLHS như cáo trạng truy tố. Riêng phần truy tố tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” đối với Lý Văn Truyện, Lý Văn Vui theo khoản 2 Điều 106 BLHS Tòa cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội vì đó là hành vi phòng vệ chính đáng.

Theo lập luận của bản án sơ thẩm nói trên, nhóm của Hạnh có 03 người tuổi đều còn trẻ (tuổi từ 30 đến 33 tuổi), đều sử dụng gậy dài hơn 1m trở lên, đầu bịt sắt. Nhóm của ông Truyện chỉ có 02 người, ông Truyện tuổi đã cao (55 tuổi), cầm 01 con dao dài 55cm, lưỡi dài 30cm nhưng bị ngăn lại khi vừa đưa

lên gạt đỡ; Vui mới 19 tuổi sử dụng 01 gậy cây cà phê chỉ ra “tự vệ” khi bà Mai bị đánh ngất xỉu. Bên nhóm ông Truyện không thể nhận thức và phân biệt được hành vi chống trả như thế nào là vượt quá mức cần thiết. Hai bên đánh nhau hỗn loạn, 1 người có thể đánh trúng nhiều người hoặc nhiều người bên này có thể đánh trúng 1 người bên kia. Thời điểm bọn Hạnh cùng đồng bọn chấm dứt tấn công thì Truyện, Vui cũng đã hết đánh trả. Kết thúc “cuộc chiến” Truyện bị đánh ngất xỉu trước ngõ nhà. Các vết thương để lại trên người các đối tượng Phạm Như Ý, Vũ Văn Minh, Vũ Văn Hạnh, Lý Văn Truyện, Lý Văn Vui là do các bên gây ra mà không thể xác định cụ thể ai gây thương tích cho ai. Ý chết, Hạnh bị thương nặng là ngoài ý muốn của gia đình ông Truyện. Biện pháp chống trả của Truyện và Vui là cần thiết, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình và gia đình mình. Nhóm của Hạnh bị thiệt hại lớn hơn là hoàn toàn do lỗi tự chủ động gây ra xâm nhập vào gia đình ông Truyện.

VKSND huyện Di Linh kháng nghị xử theo hướng buộc tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” đối với Truyện và Vui. Nhóm của Hạnh cũng kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số 135/HSPT/2012 ngày 09/7/2012 của TAND tỉnh Lâm Đồng tuyên xử Y án về tội “Cố ý gây thương tích”; hủy phần tuyên bố Lý Văn Truyện và Lý Văn Vui không phạm tội “cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, giao cấp sơ thẩm điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Nhận định của cấp phúc thẩm về bản án sơ thẩm là: Tuy xảy ra cùng lúc nhưng tính chất của hai nhóm hành vi tấn công và chống trả khác nhau, cấp sơ thẩm xét xử trong cùng một vụ án là không đúng. Để đánh giá hành vi phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cần phải xác minh lại mâu thuẫn giữa hai bên (chưa thu thập tài liệu chứng minh phía Vũ Văn Hạnh trộm cắp tài sản của ông Lý Văn Truyện); chưa làm rõ tính chất

đánh trả sự tấn công của nhóm Truyện như thế nào, trong tình trạng sức khỏe ra sao. Cáo trạng truy tố Truyện và Vui chỉ dựa vào lời khai của chính bị cáo nhưng trước, sau lại không thống nhất...

Từ nội dung trên chúng tôi đồng ý với quan điểm xử lý của bản án phúc thẩm số 135/HSPT/2012 ngày 09/7/2012 của TAND tỉnh Lâm Đồng. Bởi vì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều chưa chứng minh được hành vi của hai nhóm Hạnh và nhóm Truyện thực hiện gây thương tích cụ thể ai gây thương tích cho ai. Hơn nữa cần tách riêng hành vi của nhóm Hạnh và nhóm của Truyện để xử lý bằng hai vụ án khác nhau khi có căn cứ chứ không được nhập chung vụ án như TAND huyện Di Linh đã xét xử.

Hai là, khi xem xét hành vi chống trả của người phòng vệ chưa sự thống nhất trong xác định căn cứ để chứng minh thế nào là cần thiết

Khi nói đến hành vi xâm phạm thì trong Điều 15 BLHS hiện hành chỉ nêu lên: người đang có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Còn trong các văn bản hướng dẫn chỉ nêu chung chung về hành vi xâm hại như: hành vi xâm hại những lợi ích cần bảo vệ là hành vi phạm tội hoặc rõ ràng là có tính chất nguy hiểm cho xã hội, hành vi nguy hiểm cho xã hội đang gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại thực sự và ngay tức khắc cho những lợi ích cần bảo vệ.

Khi nói đến hành vi phòng vệ, trong Bộ luật hình sự và các văn bản cũng chỉ nêu lên được: phòng vệ chính đáng không chỉ gạt bỏ sự đe dọa, đẩy lùi sự tấn công, mà còn có thể tích cực chống lại sự xâm hại, gây thiệt hại cho người xâm hại, hành vi phòng vệ phải tương xứng với hành vi xâm hại, phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả lại những lợi ích được pháp luật bảo vệ.

Chính vì sự quy định và giải thích chung chung trong luật và các văn bản hướng dẫn, chưa quy định rõ hành vi xâm phạm trong trường hợp như thế nào thì hành vi chống trả được coi là phòng vệ, trường hợp nào thì không

được coi là phòng vệ, làm cho trong quá trình giải quyết thực tiễn các vụ án dễ gây ra mỗi cơ quan một quan điểm khác nhau như: Cơ quan điều tra đã khởi tố, Viện kiểm sát đã truy tố, nhưng khi xét xử Tòa đã tuyên bị cáo vô tội vì xác định đó là trường hợp phòng vệ chính đáng, hay có trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã kết án bị cáo phạm tội, nhưng cấp giám đốc thẩm lại tuyên bị cáo vô tội... làm cho việc áp dụng pháp luật không thống nhất, ảnh hưởng đến tâm lý của những người khi cần phải phòng vệ đến hành vi xâm phạm đến các lợi ích được pháp luật bảo vệ. Do đó, cũng không nên quá khắt khe về quy định nếu người xâm hại có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người phòng vệ thì người phòng vệ phải nhất thiết là xâm phạm lại tính mạng, sức khỏe cho người xâm hại lại, hay có thể phòng vệ bằng cách gây thiệt hại khác là tài sản để bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho mình.

Trong luật và các văn bản hướng dẫn chỉ nêu lên: *“hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác được coi là phòng vệ chính đáng khi có đủ các điều kiện... ”*.

- Nếu người phòng vệ không gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm phạm mà gây thiệt hại cho người khác thì không được coi là phòng vệ chính đáng.

Có những vụ án, tính chất giống nhau nhưng Tòa án ở các địa phương khác nhau lại xác định khác nhau:

Ví dụ ngày 12 tháng 11 năm 2012 Nguyễn Đức Quy (19 tuổi), cùng La Trường Quân (19 tuổi) tất cả đều quê ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, thấy bà Hoàng Thị Lục (64 tuổi) đang bán hàng ở Đức Trọng, chúng giả vờ ghé xe vào mua hàng rồi bất ngờ giật sợi giây chuyền vàng của bà Mực và phóng xe tẩu thoát. Bà Lục kêu Cướp...! Cướp...! Nguyễn Hoàng Mạnh ở trong nhà chạy ra thấy 2 đối tượng đang chạy xe máy tốc độ cao, liền lấy khúc

gỗ bên đường lao thẳng ra giữa đường hướng xe chạy tới. Xe của Quy, Quân vấp vào cây bị đổ. Quy ngã đa chấn thương, Quân chất thương sọ não và chết trên đường đi cấp cứu. Giấy chuyển được thu lại cho bà Lục.

Sau khi điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã kết luận và đề nghị truy tố Quy về tội cướp giật tài sản, Mạnh về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xác định hành vi của Mạnh là phòng vệ chính đáng, vì vậy Mạnh không phạm tội.

Tương tự vụ án trên nhưng xảy ra ở Dak Nông 17 tháng 5 năm 2013, Nguyễn Gia Thành và Nguyễn Đình Hưng (cùng sinh năm 1987) trú tại xã Đăk Wer, huyện Đăk R’lấp rủ nhau đi cướp giật tài sản của một số người đi đường. Khi đến thị trấn Kiến Đức, chúng thấy chị Nguyễn Thị Hương khoác một chiếc túi xách đang đi xe máy. Chúng liền áp sát giật túi xách của chị lấy đi một điện thoại I-Phone 3S và hơn 100.000 ngàn đồng và làm chị Hương Ngã. Nghe tiếng hô cướp của chị Hương, Hoàng Đặng Dĩnh đang đi phía trước liền lao xe máy của mình vào xe hai đối tượng Thành và Hưng đang chạy với tốc độ cao. Kết quả, Thành và Hưng bị ngã đập đầu xuống đường cả hai đều thiệt mạng. Tài sản được thu lại cho chị Hương.

Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Dak R’lấp đã kết luận điều tra và đề nghị truy tố Hoàng Đặng Dĩnh theo khoản 2 điều 96 về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và Tòa án nhân dân huyện Dak R’Lấp – Dak Nông đã xét xử và tuyên phạt Nguyễn Đặng Dĩnh 4 năm tù. Trong bản án xác định, tài sản bị chiếm đoạt trong vụ cướp giật chỉ có giá trị 1 triệu 1 trăm ngàn đồng nhưng hành vi của Dĩnh đã gây ra cái chết cho hai người là quá mức cần thiết. Vì vậy hành vi của Dĩnh là giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng vì Dĩnh biết rằng lao xe vào đối tượng đang đi xe với tốc độ cao có thể dẫn đến thiệt hại cho tính mạng của nhưng người ngồi trên xe.

Qua hai vụ án trên có thể thấy, tình tiết vụ việc hoàn toàn giống nhau, nhưng Tòa án ở hai địa phương lại có nhận định khác nhau về hành vi cùng người chống lại các đối tượng cướp giật tài sản.

Ba là, ranh giới để xác định trường hợp nào là phòng vệ chính đáng, trường hợp nào là tình thế cấp thiết chưa được xác định đúng đắn bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ví dụ: Vào khoảng 14 giờ ngày 14/7/2013 Lê Sơn Thái ngồi uống bia cùng Mai Hân Hoan, Lê Văn Phong, Võ Đông Sơ tại quán Huỳnh Nam (Ea súp – Dak Lak) thì lúc này có Nguyễn Thế Dũng, Bùi Đăng Quang, Tài và Tuyền đang ngồi nhậu ở bàn bên cạnh. Trong lúc ngồi nhậu thì Dũng có mang bia qua mời Thái nhưng Thái không uống nên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó hai bên cùng thanh toán tiền và ra về, khi Thái ngồi sau xe của Sơ để chuẩn bị về thì Nguyễn Thế Dũng, Tài, Tuyền dùng tay chân đấm đá vào người của Thái làm Thái bị ngã té xuống đất. Thái vùng dậy chạy ra ngoài lề đường và thách thức đánh nhau với nhóm của Dũng. Tài cầm tuýp sắt, Tuyền cầm cà lê đuổi Thái chạy về hướng chợ Ea súp và Thái chạy vào nhà bà Bùi Thị Hồng ngay sát chợ lấy 02 con dao có đặc điểm: 01 con dao làm bằng Inox dài 30cm, rộng 10cm, cán dao làm bằng gỗ; 01 con dao làm bằng Inox dài 30cm, rộng 04cm, cán dao làm bằng gỗ. Thái cầm mỗi tay một con dao đuổi theo Tài và Tuyền nhưng Tài và Tuyền bỏ chạy thoát. Thái đi lại trước quán Huỳnh Nam thì gặp Quang, Dũng, Hoan, Mai Thành Công, Lê Nguyên Bình (em trai của Thái) đang đứng ở gần đó. Thấy Thái đang cầm dao trên tay nên Quang đi lại phía Thái để can ngăn. Trong lúc giằng co nhau, Thái vung dao lên vào mặt phía bên trái của Quang 01 cái gây thương tích 26%. Sau khi gây thương tích cho Quang, Thái bỏ trốn bị huyện Ea Sup – Dak Lak truy nã toàn quốc.

Trong quá trình trinh sát thông tin về Thái, các chiến sỹ cảnh sát thuộc Đội truy nã Công an huyện EaSup nhận được tin báo của quần chúng, Thái

đang ẩn náu trong căn chòi tại một khu rẫy của người dân tại huyện Ea Súp – Dak Lak. Ngày 20/9/2013 bốn chiến sỹ cảnh sát Nguyễn Hoàng Anh, Trần Quốc Khánh, Phạm Hải Hưng và Vũ Minh Hoàng thuộc Đội truy nã Công an huyện Ea Súp được giao nhiệm vụ truy bắt Thái tại địa điểm trên. Sau khi tiếp cận căn chòi Thái trú ẩn, các chiến sỹ dùng loa kêu gọi Thái ra đầu thú. Thấy bị phát hiện, Thái bỏ chạy khỏi nơi ẩn nấp và cầm theo 01 khẩu súng K54 bắn về phía bốn đồng chí cảnh sát. Nguyễn Hoàng Anh cùng đồng đội đuổi theo Thái và hô to “Yêu cầu anh Thái đứng lại”. Thái không chấp hành mà tiếp tục bỏ chạy và bắn về phía Hoàng Anh liên tiếp. Nhận thấy đối tượng hung hãn và chống đối, Hoàng Anh bắn chỉ thiên 01 phát và hô yêu cầu Thái dừng lại. Thái không chấp hành và tiếp tục bắn về phía Hoàng Anh và đồng đội làm anh Trần Quốc Khánh bị thương ở cánh tay trái. Hoàng Anh bắn chỉ thiên 01 phát nữa lên trời nhưng Thái vẫn không dừng lại. Trước tình hình đó, Hoàng Anh giơ súng bắn 01 phát vào đùi của Thái gây thương tích 31%.

Công an huyện Ea Súp đã ban hành quyết định không khởi tố vụ án đối với Nguyễn Hoàng Anh. Lý do không khởi tố Nguyễn Hoàng Anh là: Thái là đối tượng bị truy nã, khi bị truy bắt cố tình bỏ trốn. Hành vi của Thái rất hung hãn, quyết liệt bắn liên tiếp nhiều lần về phía các đồng chí cảnh sát đang thi hành công vụ, mặc dù đã được Hoàng Anh bắn chỉ thiên cảnh cáo. Đặc biệt, Thái sử dụng trái phép vũ khí quân dụng bắn bị thương đồng chí Trần Quốc Khánh. Việc cảnh sát Nguyễn Hoàng Anh sử dụng súng bắn vào chân Thái là cần thiết để bảo vệ tính mạng cho chính mình và đồng đội.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: Nguyễn Hoàng Anh đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, theo khoản 1 Điều 106 BLHS. Bởi vì mặc dù Thái có hành vi chống trả các đồng chí cảnh sát nhưng việc gây thương tích cho Thái là không cần thiết.

- Quan điểm thứ hai cho rằng: Hành vi của Nguyễn Hoàng Anh là

tình thế cấp thiết. Vì muốn tránh một nguy cơ Thái sát thương cho mình và đồng đội Hoàng Anh không có cách nào khác là phải bắn vào chân Thái để ngăn ngừa. Hành động bắn vào chân Thái gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại Thái bắn vào Hoàng Anh và đồng đội. Đây là tình thế cấp thiết nên Hoàng Anh không phạm tội.

- Quan điểm thứ ba cho rằng: Hành vi của Nguyễn Hoàng Anh là không phạm tội. Vì đó là hành động vì bảo vệ lợi ích của đồng đội, của bản thân. Hoàng Anh đã chống trả một cách cần thiết hành vi của Thái đang xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của Hoàng Anh và đồng đội.

Quan điểm của chúng tôi cùng thống nhất với quyết định không khởi tố vụ án đối với Nguyễn Hoàng Anh của Công an huyện Ea Súp. Vì hành động của Hoàng Anh là cần thiết để chống trả lại hành vi hung hãn, chống người thi hành công vụ của Thái. Đây là phòng vệ chính đáng do đó Hoàng Anh không phạm tội.

Bốn là, chưa phân biệt được rõ phòng vệ chính đáng với hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến áp dụng chưa đúng

Ví dụ: Vào khoảng 20 giờ ngày 10 tháng 1 năm 2010 Nguyễn Văn Đạt đến nhà bà Lê Thị Tường Vân (vợ đã ly hôn) tại thị xã An Khê – Gia Lai đón con Nguyễn Lê Trung Thành về. Không thấy Thành đâu, Đạt mở cửa nhà bà Vân vào nhà nhưng không thấy ai nên bỏ về. Bà Vân về thấy nhà mình mở cửa nên gọi cho Đạt và hai bên đã cãi nhau qua điện thoại.

Đạt chạy xe sang nhà Vân xông vào nhà túm tóc Vân đập mạnh vào tường. Anh Nguyễn Lê Quang Vĩnh là con riêng của bà Vân thấy vậy liền can ngăn. Đạt buông bà Vân quay sang tát vào mặt Vĩnh và còn dùng chân đá vào bụng Vĩnh. Bị Đạt hành hung đau đớn Vĩnh dùng tay nắm mạnh liên tiếp vào

sườn Đạt 03 phát. Đạt gục xuống và được đưa đi cấp cứu gãy xương sườn với thương tích với tỷ lệ 33% sức khỏe.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2010/HSST ngày 12/3/2010 Tòa án nhân dân TX. An Khê đã áp dụng khoản 1 điều 106; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Lê Quang Vĩnh 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản án phúc thẩm số 265/2010/HSPT ngày 01/6/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa án bản sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Quang Vĩnh 09 tháng tù. Lý do cấp phúc thẩm sửa án là vì Đạt là người gây gỗ, hành hung bà Vân (mẹ Vĩnh) trước. Mặc dù đã được Vĩnh can ngăn, Đạt không dừng lại mà lại quay sang đánh Vĩnh. Hành vi Vĩnh chống đối lại là để bảo vệ mẹ mình cũng như bản thân mình. Hơn nữa, trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho Đạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi gây án bị cáo thành khẩn khai báo, ra đầu thú và được người bị hại bãi nại.

Quan điểm của chúng tôi cùng thống nhất với việc sửa án của TAND tỉnh Gia Lai đối với bản án của cấp sơ thẩm. Vì mức hình phạt 09 tháng tù là tương xứng với hành vi của bị cáo như nhận định của Tòa án phúc thẩm.

Năm là, việc định tội danh chưa chính xác giữa tội giết người, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay phạm tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28-7-2013 ngồi nhậu với Đinh Xuân Phương, Đinh Văn Ty, Nguyễn Văn Long và Đinh Xuân Cường tại dãy nhà trọ của chị Trần Thị Nga ở thôn 01 Nam Dong, Cư Jút, Đắk Nông, Cao Tiến Dũng thấy mệt nên về nghỉ trước. Khi nằm trong phòng trọ gần đó Dũng nghe

anh Phương nói với anh Ty là Dũng muốn mua miếng đất của chị Nga chủ nhà trọ. Nghe vậy anh Ty nổi nóng vì trước đó anh Ty đã hỏi mua và đặt cọc tiền cho chị Nga. Dũng nghe thấy liền bước ra cửa và nói với anh Phương “anh Phương sao anh nhỏ mọn thế”. Nghe Dũng nói vậy anh Phương lao đến đánh Dũng một cái bạt tai. Thấy vậy Dũng vào phòng đóng cửa lại một lúc rồi sang nhà anh rể Dũng ở thôn 2 Nam Dong chơi. Sau đó vợ Dũng là Cao Thị Khánh Ly gọi Dũng về. Anh Phương đi đến phòng trọ của Dũng và gọi “Dũng mày ra đây nói chuyện với tao”. Dũng vừa bước ra cửa thì anh Phương lao vào đánh Dũng. Anh Phương đấm, đá vào người Dũng, dùng tay túm cổ áo đẩy Dũng về phía bếp nhà Dũng. Dũng bị đẩy dòn vào phía để dụng cụ nấu ăn. Dũng chụp 01 cây gậy dài khoảng 50cm đánh mạnh vào đầu 01 cái làm Phương gục xuống và được đưa đi cấp cứu. Hậu quả Phương chết là do chấn thương sọ não.

Tại bản án sơ thẩm số 41/2013/HSST ngày 18/10/2013 Tòa án nhân dân huyện Cư Jut đã xử phạt Cao Tiến Dũng 02 năm tù về tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”.

VKSND tỉnh Đắk Nông kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm đã xác định sai tội danh đối với Cao Tiến Dũng. Hành vi của Cao Tiến Dũng đã phạm vào tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Do đó VKSND tỉnh Dak Nông kháng nghị bản án trên theo hướng hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện Cư Jut để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại bản án phúc thẩm số 123/2013/HSST ngày 31/12/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Dak Nông chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Dak Nông hủy bản án sơ thẩm của TAND huyện Cư Jut vì định tội danh sai đối với bị cáo Cao Tiến Dũng. Bản án phúc thẩm cho rằng giữa anh Phương và bị cáo Dũng không có mâu thuẫn gì với nhau. Chỉ vì nghe bị cáo Dũng nói “anh Phương

sao anh nhỏ mọn thế”, anh Phương đã tát bị cáo. Sau khi bị cáo bỏ đi chơi về anh Phương lại tiếp tục gọi bị cáo ra gây sự, chửi bới, đấm đá tới tấp vào người bị cáo. Hơn nữa, anh Phương còn túm cổ áo, đẩy bị cáo dồn vào bếp. Hành động của anh Phương là trái pháp luật nghiêm trọng, làm cho bị cáo Dũng bị kích động tinh thần và không có sự lựa chọn khác nên khi lấy được cây gậy đã đánh 01 nhát làm anh Phương bị tử vong.

Quan điểm của chúng tôi cùng thống nhất với việc hủy án của TAND tỉnh Đắk Nông đối với bản án của cấp sơ thẩm. Vì anh Phương đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là sai, mà cần xét xử về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” mới chính xác.

Sáu là, quy định chế định phòng vệ chính đáng nằm trong phần “tội phạm” chưa đảm bảo đúng bản chất của một hành vi chính đáng được Nhà nước cho phép

Trong khoản 1 Điều 15 BLHS hiện hành quy định:

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

Từ quy định trên cho thấy, hành vi phòng vệ là chính đáng và không phải là tội phạm, có sự mâu thuẫn giữa nội dung của chế định phòng vệ với hình thức của quy định này nằm trong phần tội phạm, không phản ánh đúng bản chất pháp lý của phòng vệ chính đáng. Khi đặt chế định này trong chương tội phạm dễ dẫn đến sự hiểu sai bản chất của phòng vệ chính đáng là một việc làm được Nhà nước ta khuyến khích.

Bây là, trách nhiệm hình sự đối với trường hợp “làm chết nhiều người” và cố ý gây thương tích tổng tỷ lệ thương tật trên 31% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chưa được quy định rõ ràng trong khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành

Khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành quy định “*Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm*”. Trong khoản này quy định khung hình phạt đối với việc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, người phạm tội có thể bị phạt tù từ một năm đến ba năm, ở Điều này không có quy định rõ ràng trường hợp “làm chết nhiều người”, do đó dễ gây ra sự bất cập trong quá trình xử lý hình sự.

Ví dụ: Một người phạm tội gây thương tích cho hai người với tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên do vượt quá phòng vệ chính đáng, người khác phạm tội làm chết hai người do vượt quá phòng vệ chính đáng, hai trường hợp này cùng áp dụng chung một khung hình phạt tại khoản 2 Điều 106 BLHS.

Và trường hợp nếu người phạm tội gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho nhiều người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nhưng chỉ có một người bị thương tật với tỷ lệ trên 31%, những người khác không đạt tỷ lệ đó, thì người phạm tội chỉ bị áp dụng khung hình phạt quy định ở khoản 1 Điều 106 BLHS hiện hành:

Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

Như vậy sẽ có một số người phạm tội lợi dụng quy định như vậy nhằm giảm bớt hình phạt do hành vi nguy hiểm của mình gây ra.

Tóm lại, quy định tình tiết giảm nhẹ “vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là không cần thiết

Theo khoản 2 Điều 15 BLHS hiện hành: *“Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự”*. Ta thấy yếu tố “Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là yếu tố nhằm làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho chủ thể gây ra hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định ở điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS hiện hành. Sự xuất hiện của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án hình sự làm giảm nhẹ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, qua đó làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho chủ thể.

Hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có thể xảy ra hai loại tội phạm: tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định ở Điều 96 BLHS hiện hành và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác quy định ở Điều 106 BLHS hiện hành. Cấu thành cơ bản của hai loại tội phạm này là:

- Mặt khách quan: người phạm tội đã có hành vi giết người hay cố ý gây thương tích xuất phát từ việc người bị hại có hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người phạm tội và người phạm tội đã có hành vi chống trả lại một cách không cần thiết, vượt quá giới hạn cho phép.

- Mặt chủ quan: người phạm tội có hành vi chống trả với mong muốn chấm dứt sự tấn công không để mình bị tổn hại.

- Chủ thể: người phạm tội có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Khách thể của tội phạm: quyền sống của con người.

Ở đây, tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết định

tội danh quy định trong cấu thành tội phạm. Nếu thiếu tình tiết đó, hành vi sẽ không cấu thành tội giết người hay cố ý gây thương tích hay tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, mà cấu thành tội giết người quy định tại Điều 93 và tội cố ý gây thương tích và gây tổn hại sức khỏe của người khác quy định tại Điều 104 BLHS hiện hành. Đây là loại tội nặng hơn, có tính chất nguy hiểm cao hơn. Trong cấu thành tội phạm của tội giết người hay tội cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, chỉ trừ tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, các tình tiết định tội khác là điều kiện cần để hành vi trở thành tội phạm.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án không được áp dụng các tình tiết này để giảm nhẹ cho bị cáo vì trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 46 BLHS hiện hành *“Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt”*. Do đó, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói chung, nhưng có hai trường hợp nó là tình tiết để xác định tội danh. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản của hai tội như nêu ở trên.

Việc quy định tình tiết giảm nhẹ do hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định ở điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS hiện hành với tư cách là tình tiết giảm nhẹ hầu như là không cần thiết, trên thực tế việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là không cần đến vì người có hành vi chống trả vượt mức cần thiết trong phòng vệ chính đáng, chỉ được phép gây thiệt hại cho tính mạng sức khỏe của người khác đã được BLHS hiện hành quy định với tư cách là tình tiết định tội tại Điều 96 tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và Điều 106 tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá phòng vệ chính đáng. Ngoài hai trường hợp này không còn trường hợp nào được xem là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Chương 3

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG VÀ CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐẢNG

Trên cơ sở phân tích quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng chế định phòng vệ chính đáng trong quá trình xử lý tội phạm trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, những quy định của pháp luật hình sự hiện hành về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đã giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật bảo vệ được lợi ích cho những người tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, khích lệ được tinh thần của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tuy nhiên quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng vẫn còn bộc lộ nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu xem xét.

Bộ luật hình sự Việt Nam mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng qua thực tiễn áp dụng cho thấy cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa các quy định về phòng vệ chính đáng, các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng để các nội dung liên quan đến vấn đề này được cụ thể, rõ ràng hơn.

Nhận thức về vấn đề phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của nhiều các bộ tư pháp còn hạn chế và chưa đầy đủ và thiếu sự thống nhất. Do đó, việc vận dụng chúng trong mỗi vụ án hình sự cụ thể còn lúng túng, việc xác định các tình tiết để phân biệt rõ ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm, giữa phòng vệ chính đáng hay vượt quá giới hạn

phòng vệ chính đáng còn gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian qua, tình trạng chống người thi hành công vụ xảy ra khá phổ biến ở nhiều nơi, nhất là trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm; nhiều cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bị người phạm tội tấn công, mặc dù trong tay có súng, có các phương tiện hỗ trợ nhưng vì “sợ” phạm tội nên đã không chống trả dẫn đến hy sinh hoặc bị thương tích nặng. Trong cuộc sống không ít trường hợp phạm tội trong trường hợp phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử do sức ép của dư luận hoặc phía nạn nhân nên các cơ quan tiến hành tố tụng thường lúng túng khi xác định trường hợp phạm tội có phải là phòng vệ chính đáng hoặc vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hay không? Thực tiễn xét xử có nhiều vụ án Cơ quan điều tra đã khởi tố, Viện kiểm sát đã truy tố nhưng khi xét xử Toà án đã tuyên bị cáo không phạm tội vì xác định đó là trường hợp phòng vệ chính đáng; có trường hợp Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm đã kết án bị cáo phạm tội nhưng cấp giám đốc thẩm đã tuyên bố bị cáo không phạm tội vì xác định đó là trường hợp phòng vệ chính đáng; có trường hợp lẽ ra chỉ kết án bị cáo về tội giết người hoặc cố ý gây thương tích “do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” nhưng lại kết án bị cáo về phạm tội không có tình tiết “do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”.v.v... làm cho việc áp dụng không thống nhất; đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến tâm lý của những người khi cần phải “phòng vệ” đối với hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội hoặc lợi ích của chính mình.

Về kỹ thuật lập pháp, những quy định về phòng vệ chính đáng và vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hiện nay chưa thực sự đảm bảo yêu cầu. Có những loại vụ việc, mọi hành vi chống trả lại đều là phòng vệ thì cần được quy định cụ thể trong luật để khi áp dụng không phải phân tích đánh giá.

3.2. CƠ SỞ HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

Từ những phân tích và luận chứng bên trên có thể thấy phòng vệ chính đáng là một công cụ quan trọng mà pháp luật quy định cho mỗi công dân để có thể tự mình linh hoạt chống lại sự xâm hại của hành vi trái pháp luật luôn xảy ra hàng ngày trên thực tế. Tuy nhiên, những vụ án có tình tiết “*vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” không phải lúc nào cũng được giải quyết và xác định sự thật một cách dễ dàng, cần thiết phải có sự hướng dẫn cụ thể và chính xác hơn của các nhà làm luật tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật thuận lợi hơn trong việc đánh giá trách nhiệm hình sự của hành vi. Sau khi đã nghiên cứu và trên cơ sở thực tiễn áp dụng, học viên có một số nhận xét làm cơ sở đề xuất hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về phòng vệ chính đáng, đặc biệt là những văn bản giải thích các căn cứ để xác định sự “*cần thiết*” giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp. Theo quan điểm của học viên, trong trường hợp này chúng ta không nên thay thế cụm từ “*tương xứng*” được sử dụng trong Bộ luật hình sự năm 1985 bằng cụm từ “*cần thiết*” trong Bộ luật hình sự năm 1999 khi đánh giá sự tương quan giữa hành vi phòng vệ và hành vi tấn công. Việc đánh giá, so sánh hành vi phòng vệ và hành vi tấn công xâm hại lợi ích hợp pháp ở đây hoàn toàn không chỉ là cách hiểu máy móc như một số quan điểm đơn giản chỉ là tương xứng cơ học về vũ khí hay công cụ phương tiện, mà tương xứng ở đây phải hiểu tổng thể là sự tương quan về lực lượng hai bên; tương xứng về vũ khí, công cụ, phương tiện; sự cần thiết về mức độ phòng vệ và sự quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng của hành vi phạm tội; sự cần thiết về mức độ phòng vệ với tầm quan trọng của khách thể bị tội phạm xâm hại”. Từ phân tích trên cho thấy việc sử dụng chỉ riêng cụm từ “*tương xứng*” hay “*cần thiết*”

trong quy phạm pháp luật về phòng vệ chính đáng vẫn chưa thực sự hợp lý, chưa bao quát hết được toàn bộ tiêu chí đánh giá hành vi từ đó làm cho các cơ quan áp dụng pháp luật gặp nhiều khó khăn. Theo đó trong trường hợp này cần phải sử dụng cả hai cụm từ “*tương xứng*” và “*cần thiết*” để quy định sự tương quan hành vi trong quy phạm pháp luật đồng thời chế định này cần chứa đựng nội hàm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng và cần có hiệu lực lâu dài. Ngoài ra, việc sử dụng đồng thời bao quát hơn các tiêu chí xác định tương quan giữa hành vi tấn công và hành vi phòng vệ như: Tâm quan trọng của khách thể bị xâm hại; lực lượng hai bên; vũ khí, công cụ, phương tiện; sự quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó, giúp cho các cơ quan áp dụng pháp luật chủ động hơn trong việc đánh giá sự việc thông qua những hoàn cảnh của từng trường hợp phạm tội cụ thể, từ đó đưa ra kết luận đúng đắn, sát với sự thật nhất. Tuy nhiên, phương án chưa sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự thì nên có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất cụm từ “*cần thiết*” này.

Thứ hai, về hậu quả pháp lý của hành vi do người phòng vệ chính đáng thực hiện, theo chúng tôi, Điều 15 Bộ luật hình sự quy định về phòng vệ chính đáng cần khẳng định dứt khoát - trong trường hợp phòng vệ chính đáng, người thực hiện quyền phòng vệ được *loại trừ trách nhiệm hình sự* [68]. Quy định như vậy không chỉ động viên, khuyến khích công dân chủ động phòng, chống tội phạm, mà còn tạo cho họ cảm giác “*an toàn*”, “*yên tâm*”, chứ không dẫn đến tâm lý tiêu cực, dè chừng “*đấu tranh, tránh đầu*”, “*người ngay sợ kẻ gian*” ở một bộ phận không nhỏ dân cư trong xã hội.

Thứ ba, trước yêu cầu hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ và bảo đảm quyền con người, việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết. Trước hết có thể tham khảo thêm Điều 2 Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển khi quy định:

Trong trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù, đang bị giam giữ hoặc bị bắt hoặc bị tước tự do dưới hình thức khác mà bỏ trốn hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống trả người có nhiệm vụ canh giữ hoặc giám sát thì được phép dùng vũ lực nếu căn cứ vào hoàn cảnh thực tế mà việc dùng vũ lực đó được coi là lý do chính đáng để ngăn chặn việc bỏ trốn hoặc duy trì trật tự. Quy định này cũng được áp dụng nếu hành động chống trả là do một người khác ngoài những người đã nói trên thực hiện [60].

Qua đó, bảo đảm quyền của người thi hành công vụ.

Ngoài ra có thể nghiên cứu tinh thần của Điều 20 Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa với quy định như sau:

Người thực hiện hành vi phòng vệ chính đáng nhằm ngăn chặn hành vi bất hợp pháp xâm hại các lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền nhân thân, tài sản và các quyền khác của mình hoặc của người khác, gây thiệt hại cho người có hành vi xâm hại bất hợp pháp, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Người có hành vi phòng vệ chính đáng rõ ràng vượt quá giới hạn cần thiết và gây thiệt hại lớn thì phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng cần được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt.

Người có hành vi phòng vệ đối với tội phạm đang hành hung, giết người, cướp của, hiếp dâm, bắt cóc hoặc các tội bạo lực khác, gây thương tích hoặc làm chết người phạm tội, không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ, không phải chịu trách nhiệm hình sự [15, tr.44-46].

Theo chúng tôi, có hai nội dung các nhà làm luật nước ta có thể tham khảo khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự như sau:

- Người có hành vi phòng vệ chính đáng rõ ràng vượt quá giới hạn cần thiết và gây thiệt hại lớn thì phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng cần được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt, trong khi Bộ luật hình sự nước ta chỉ quy định chung - phải chịu trách nhiệm

hình sự và xem nó là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (điểm c khoản 1 Điều 46);

- Người có hành vi phòng vệ đối với tội phạm đang hành hung, giết người, cướp của, hiếp dâm, bắt cóc hoặc các tội bạo lực khác, gây thương tích hoặc làm chết người phạm tội, không thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ, không phải chịu trách nhiệm hình sự, trong khi Bộ luật hình sự nước ta chưa quy định. Do đó, để khuyến khích, động viên và bảo đảm công dân thực hiện tốt quyền của mình, chúng ta nên tiếp thu nội dung này.

Thứ tư, Bộ luật hình sự quy định:

Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96) như sau: Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm... và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106) như sau: Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm... [48].

Theo chúng tôi, xuất phát từ *động cơ* là muốn bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của công dân và của bản thân, vì thế, để nhân đạo hóa hơn nữa chính sách hình sự, chúng ta cần giảm bớt khả năng trấn áp về hình sự đối với hai loại tội phạm này bằng việc giảm bớt mức khởi điểm của các khung hình phạt.

Thứ năm, việc cụ thể hóa hay lượng hóa rõ ràng nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật được chính xác trong khoản 2 Điều 96 ghi nhận giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, và nên chỉnh sửa thành con số cụ thể.

Thứ sáu, nhằm khuyến khích mọi người phòng vệ chính đáng và thể

hiện rõ hơn nữa chính sách hình sự trong phòng ngừa và chống tội phạm, phát huy sức mạnh của toàn xã hội, của mọi người dân thì hình phạt dành cho những người phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng cần đa dạng hóa cả hình phạt tiền và giảm nhẹ hình phạt tù.

Thứ bảy, cần quy định rõ trong Phần chung về phòng vệ chính đáng những trường hợp đương nhiên là phòng vệ chính đáng như: Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác; Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ; Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm. Việc quy định như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng pháp luật đúng và chính xác, tránh gây tranh cãi hay nhầm lẫn trong áp dụng trên thực tế.

Thứ tám, việc quy định về phòng vệ chính đáng cần được tách ra trong một chương riêng cùng những quy định khác có cùng tính chất loại trừ tính tội phạm của hành vi và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tên chương này có thể là “*Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*” hoặc “*Những trường hợp không phải là tội phạm*” thì sẽ phù hợp hơn với việc sắp xếp như Bộ luật hình sự hiện hành.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM DO VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN PHÒNG VỆ CHÍNH ĐÁNG

3.3.1. Quy định văn bản hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu căn cứ xác định hành vi chống trả của người phòng vệ được coi là cần thiết

Khoản 1 Điều 15 BLHS hiện hành quy định: “*Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên*”. Hành vi chống trả của người phòng vệ phải là cần thiết, mức độ như thế nào gọi là cần thiết thì trong Luật và các văn bản hướng dẫn chưa quy định rõ. “Cần thiết”

không có nghĩa là ngang bằng theo cách xác định toán học, bên xâm phạm gây thiệt hại như thế nào thì bên phòng vệ cũng chỉ được gây thiệt hại như thế.

Ví dụ: Hành vi chống trả không tương xứng với hành vi xâm phạm, lực lượng phòng thủ không tương xứng với lực lượng tấn công của địch... Khi nói đến tương xứng là nói đến sự cân đối. Tuy theo tinh thần của Nghị quyết 02 có hướng dẫn về phòng vệ chính đáng cũng nêu tương xứng giữa hành vi xâm hại với hành vi phòng vệ. Trong khi đó, có nhiều trường hợp rõ ràng là hành vi phòng vệ không tương xứng nhưng vẫn được coi là phòng vệ chính đáng. Do đó khi nói đến hành vi chống trả một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm, nhưng chưa nêu được căn cứ để xác định thế nào là cần thiết. Theo người viết nên có thêm văn hướng dẫn dưới dạng Nghị định hay Thông tư nêu rõ căn cứ xác định thế nào là cần thiết. Và theo ý kiến chủ quan của người viết, sự chống trả được coi là cần thiết khi có các căn cứ sau:

- Lợi ích bị xâm phạm càng quan trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả càng mạnh mẽ bấy nhiêu, và phải luôn đặt trong hoàn cảnh cụ thể.

- Tính chất, mức độ của hành vi càng nguy hiểm và nghiêm trọng bao nhiêu thì hành vi chống trả thể hiện quyết liệt và rõ ràng hơn.

- Mối tương quan giữa lực lượng giữa bên xâm hại và người phòng vệ

- Thời gian cũng là yếu tố quan trọng, vì nếu hành vi chống trả giữa ban ngày và ban đêm có thể khác nhau.

- Không gian xảy ra sự việc.

- Thái độ, tâm lý của người phòng vệ khi xảy ra sự việc.

Bổ sung thêm quy định nếu người xâm hại có hành vi xâm phạm đến tính mạng. sức khỏe của người phòng vệ thì người phòng vệ không nhất thiết là xâm phạm lại tính mạng. sức khỏe cho người xâm hại lại mới là phòng vệ. mà có thể phòng vệ bằng cách gây thiệt hại khác là tài sản nhưng phải là có căn cứ phù hợp để bảo vệ tính mạng. sức khỏe cho mình.

Người xâm hại có hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của con người là không được vì đó là quyền bất khả xâm phạm của con người quyền được sống được bảo vệ tính mạng sức khỏe của mình do đó nếu bị xâm hại thì người phòng vệ có hành vi chống trả không nhất thiết là phải gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của nhau lại mới được coi là phòng vệ chính đáng. Trong những trường hợp cụ thể, tùy hoàn cảnh có thể dùng bất cứ cách gì để bảo vệ bản thân mình, mà không gây thiệt hại nặng nề đến người khác, tài sản có thể mua, có thể tìm lại được, tính mạng, sức khỏe con người là vô giá đã mất đi khó mà hồi phục lại được. Nên trong những vụ án cụ thể, rõ ràng là có căn cứ thì hành vi phòng vệ, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mình thì người phòng vệ có thể chống trả lại hành vi xâm hại đó bằng cách gây thiệt hại về tài sản của người xâm hại.

3.3.2. Quy định chế định phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 15 BLHS hiện hành thành một phần riêng, tách biệt ra với phần quy định trong Chương tội phạm cùng với các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự khác

Trong quy định của pháp luật cũng đã quy định bằng những cụm từ rõ ràng trong quy định tại Điều 15 BLHS là:

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

Do đó, phòng vệ chính đáng là một hành vi chính đáng được Nhà nước cho phép và bảo vệ, từ quy định của pháp luật trở nên mâu thuẫn với hình thức thể hiện dễ gây sự hiểu sai bản chất thật sự của quy định. Vì vậy, nên quy định chế định phòng vệ chính đáng ra một Chương riêng, tách khỏi Chương quy định tội phạm, để người dân cũng như những người thực thi pháp luật hiểu đúng bản chất của phòng vệ chính đáng. Trong chương này cần

quy định cùng với phòng vệ chính đáng là các vấn đề về sự kiện bất ngờ, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, tình thế cấp thiết...

3.3.3. Sửa đổi quy định về phòng vệ chính đáng theo hướng cụ thể hóa các trường hợp được quyền phòng vệ

Do quy định hiện hành không động viên được người dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, thậm chí là đấu tranh với hành vi xâm phạm lợi ích của chính mình vì lo ngại vào sự phán xét của cơ quan bảo vệ pháp luật. Mặt khác, quy định như hiện nay vô hình chung bó tay các cơ quan chức năng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là đối với các trường hợp phạm tội có sử dụng vũ khí như tội phạm ma túy, cướp tài sản sau đó bắt cóc con tin, lâm tặc có sử dụng vũ khí chống lại lực lượng bắt giữ... Do đó cần sửa đổi theo hướng gắn chặt hơn với bảo vệ lợi ích cá nhân, thay vì nhà nước, tổ chức như trước đây đồng thời khẳng định luôn trong Luật một số trường hợp sẽ đương nhiên xác định là phòng vệ chính đáng mà không cần phải thông qua việc đánh giá của các cơ quan tố tụng như: người phạm tội đang sử dụng vũ khí hoặc có biểu hiện sử dụng vũ khí ngay lập tức để chống lại việc bắt giữ hoạt thực hiện tội phạm;... Đây cũng là điều mà pháp luật của một số nước như Nga, Trung Quốc đã quy định... Đồng thời vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cần tách thành một điều luật riêng, Với quan điểm này, Điều 15 cần sửa đổi như sau:

Phương án 1:

Điều 22. Phòng vệ chính đáng (sửa đổi) [47]

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau:

a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;

b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;

c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người, hiếp dâm.

3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

4. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng do hốt hoảng, sợ hãi hoặc hoảng loạn thì có thể được miễn hình phạt.

Phương án 2:

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.</p>	<p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách <i>tương xứng và</i> cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm <i>và người thực hiện hành vi đó được loại trừ trách nhiệm hình sự.</i></p> <p><i>2. Trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù, đang bị giam giữ hoặc bị</i></p>

<p>2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p><i>bắt hoặc bị tước tự do dưới hình thức khác mà bỏ trốn hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống trả người có nhiệm vụ canh giữ hoặc giám sát thì được phép dùng vũ lực nếu căn cứ vào hoàn cảnh thực tế mà việc dùng vũ lực đó được coi là lý do chính đáng để ngăn chặn việc bỏ trốn hoặc duy trì trật tự.</i></p> <p>3. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự, <i>nhưng cần được giảm nhẹ, áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn hoặc được miễn hình phạt.</i></p> <p><i>4. Cũng được coi là phòng vệ chính đáng trong trường hợp chống trả người phạm tội hiếp dâm có sử dụng vũ lực, cướp có vũ khí hoặc có hành vi tấn công, đột nhập ban đêm vào chỗ ở của người khác.</i></p>
--	---

Phương án 3:

<p>Điều 15 hiện hành</p> <p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người</p>	<p>Điều 15 sửa đổi</p> <p>Điều 15. Phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác, hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết</p>
--	--

<p>đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.</p> <p>2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.</p> <p>Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.</p> <p>2. Đương nhiên được coi là phòng vệ chính đáng trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của mình hoặc của người khác;</p> <p>b) Chống lại người đang sử dụng vũ khí hoặc hung khí nguy hiểm để chống lại người thi hành công vụ;</p> <p>c) Chống trả lại người đang thực hiện hành vi giết người.</p> <p>Điều 15b. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.</p> <p>Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.</p>
---	--

3.3.4. Quy định cụ thể gây thương tích cho nhiều người và “làm chết nhiều người” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành và giảm mức hình phạt đối với các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

Hiện nay, hình phạt quy định cho các tội này chưa quy định hình phạt tiền, vì vậy, cần sửa đổi theo hướng giảm hình phạt và thêm hình phạt tiền vào các tội phạm này. Theo đó các tội này cần sửa đổi như sau:

<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.</p>	<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi)</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 150 triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ từ 6 tháng đến 02 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 02 năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm.</p>
--	--

Theo tác giả nên thêm cụm từ “làm chết nhiều người”, và quy định thêm yếu tố “tổng tỷ lệ thương tật của những người khác” vào khoản 2 Điều 106 BLHS hiện hành nhằm tránh sự tranh cãi về việc xử lý trong vụ án hình sự. Điều 106 BLHS hiện hành theo người viết được sửa lại như sau:

<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p> <p>2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.</p>	<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi)</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tích từ 31% trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến 02 năm.</p> <p>2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 06 tháng năm đến 03 năm.</p> <p>a) Phạm tội cố ý gây thương tích đối với nhiều người mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên hoặc gây thương tích cho nhiều người trong đó một người có tỷ lệ thương tật trên 31%, tổng tỷ lệ thương tật của những người khác đạt trên 31%, thậm chí cao hơn thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.</p> <p>b) Phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến làm chết nhiều người thì bị phạt tù từ ba năm đến năm năm.</p>
---	---

3.3.5. Hình phạt tù trong các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên giảm xuống để thể hiện rõ hơn chính sách hình sự của nhà nước về các trường hợp phạm tội này. Ngoài ra cần cụ thể hóa số nạn nhân để tiện cho việc áp dụng pháp luật

**** Về tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96 Bộ luật hình sự)***

Tại phương án 1 thì hình phạt được giảm xuống đối với trường hợp phạm tội này, nhưng tại phương án 2 theo Dự thảo sửa đổi bổ sung mới nhất thì hình phạt lại có tăng nặng thêm tại khoản 1 là đến 2 năm. Tuy nhiên dự thảo lại cụ thể hóa nhiều người thành 02 người tại khoản 2 Điều này để hoàn chỉnh hơn trong kỹ thuật lập pháp và thuận tiện cho thực tiễn áp dụng.

Phương án 1:

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.</p>	<p>Điều 96. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.</p> <p>2. Giết nhiều người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.</p>

Phương án 2:

Điều 124. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (sửa đổi) [47]

1. Người nào giết người trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến **02 năm**.

2. Giết từ **02 người** trở lên trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

* Về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106 Bộ luật hình sự)

Bộ luật hình sự hiện hành	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p> <p>2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ một năm đến ba năm.</p>	<p>Điều 106. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng</p> <p>1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31 % trở lên hoặc dẫn đến chết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.</p> <p>2. Phạm tội đối với nhiều người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</p>

3.3.6. Quy định hướng dẫn rõ ràng hơn về vấn đề phương tiện và phương pháp của người phòng vệ và người xâm hại

Trong các văn bản hướng dẫn về hành vi của người phòng vệ có nêu “người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng quá đáng”, hành vi phòng vệ thể hiện một quyền của con người, quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người được pháp luật cho phép và khuyến khích thực hiện, do đó người có hành vi xâm hại thì người phòng vệ có quyền bảo vệ mình, do người phòng vệ không có sự tấn công bất ngờ không có sự đề phòng trước, nên phương tiện, phương pháp đối phó nhất thời của người phòng vệ có thể không bằng sự nguy hiểm do phương tiện, phương pháp của người xâm hại gây ra, cũng có thể hơn phương tiện, phương pháp của người xâm hại, vì thế không bắt buộc là phải ngang bằng.

3.3.7. Không quy định tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS

Nếu thỏa mãn theo quy định tại khoản 1 Điều 15 BLHS:

Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm;

Thì hành vi của người phòng vệ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhưng hành vi phòng vệ quá mức cần thiết theo khoản 2 Điều 15 BLHS: *“Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự”*, thì người vượt quá giới hạn phòng vệ cho phép sẽ phải chịu truy cứu trách nhiệm hình sự. Từ đó có thể thấy yếu tố vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại khoản 2 Điều 15 BLHS đã là một yếu tố làm giảm nhẹ hành vi nguy hiểm cho xã hội hơn. Mà đặc điểm của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của yếu tố vượt quá phòng vệ chính đáng là: nó không phải là tình tiết được dùng làm căn cứ xác định một hành vi tội phạm và sự mất đi của tình tiết này không làm mất tính tội phạm của hành vi như các tình tiết định tội thông thường khác. Sự xuất hiện của tình tiết giảm nhẹ này chỉ làm thay đổi tội danh theo hướng nhẹ hơn thôi.

Người có hành vi chống trả vượt mức cần thiết trong phòng vệ chính đáng chỉ được phép gây thiệt hại cho tính mạng sức khỏe của người khác đã được BLHS hiện hành quy định với tư cách là tình tiết định tội tại Điều 96 tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và Điều 106 tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá phòng vệ chính đáng. Ngoài hai trường hợp này không còn trường hợp nào được xem là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Cho nên việc quy định thêm tình tiết

giảm nhẹ tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS là không cần thiết. việc quy định tình tiết giảm nhẹ ở đây chỉ có ý nghĩa giảm tính nguy hiểm cho xã hội và được xác định thuộc loại tội danh nhẹ hơn chứ không được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài: *“Các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn ở Tây Nguyên)”* cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận chung sau đây:

1. Quyền phòng vệ chính đáng phải nằm trong một khuôn khổ nhất định và có những điều kiện nhất định để tránh những trường hợp lạm dụng quyền phòng vệ chính đáng để xâm phạm vào lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, con người. Pháp luật bảo đảm quyền phòng vệ chính đáng, nhưng cũng nghiêm trị những hành vi lạm dụng, vượt quá quyền này gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Do vậy hành vi giết người và hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng đã được tội phạm hóa thành hai tội tại Điều 96 và Điều 106 của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999.

2. Qua nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của phòng vệ chính đáng cho thấy, quy định hiện nay của Luật hình sự Việt Nam về vấn đề này mặc dù đã cụ thể hơn trước và hơn pháp luật của nhiều nước trên thế giới, nhưng vẫn còn những quy định chưa thực sự rõ ràng dẫn đến có các quan điểm cách hiểu khác nhau về phòng vệ chính đáng. Chính vì vậy việc bảo đảm áp dụng các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng sẽ vướng mắc ngay từ quy định của luật thực định. Do vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu để có thể quy định rõ ràng hơn.

3. Hiện nay, các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng ngày càng gia tăng đòi hỏi việc áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền cần phải nhanh và chính xác hơn nữa. Cho nên, để đạt được điều việc này thì ngoài việc quy định Điều 15, Điều 96 và Điều 106 của Bộ luật hình sự năm 1999 về phòng vệ chính đáng, tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ

chính đáng và những văn bản hướng dẫn thì cần thiết có những văn bản hướng dẫn cụ thể và chính xác hơn với sự đúc rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở thực tiễn xét xử của cơ quan lập pháp.

4. Trước yêu cầu hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế về bảo vệ và bảo đảm quyền con người, việc tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên cơ sở lịch sử lập pháp và các điều kiện thực tế tại Việt Nam là cần thiết. Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là cần thiết, có ý nghĩa chính trị, xã hội, an toàn và an ninh, hợp tác quốc tế, đồng thời phòng và chống tội phạm.

5. Để các quy định về các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nói riêng đi vào cuộc sống, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người, quyền công dân, cũng như xác định chính xác tội phạm với trường hợp không phải là tội phạm, giữa trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự với trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự, đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp khác song song với giải pháp hoàn thiện Bộ luật hình sự đã nêu như sau:

- Tiếp tục nâng cao và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân, chủ động phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội; xây dựng Quy chế cho các Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, Đội Dân phòng;

- Tăng cường sự giám sát, kiểm sát của Viện kiểm sát trong các vụ án về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

- Ngoài ra, cần có những chương trình, giải pháp để nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp lý cho những người tiến hành tố tụng, những cán bộ, chiến sĩ thi hành công vụ; v.v...

- Hệ thống hóa và chính xác công tác thống kê tư pháp, thống kê hình sự; xây dựng các chuyên đề tập huấn về phòng vệ chính đáng và các tội phạm do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự còn chưa thống nhất, vướng mắc, đặc biệt liên quan đến vấn đề trên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự 1999*, Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2009), *Luật hình sự Việt Nam*, quyển 1 - Phần chung, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Văn Beo (2010), *Luật hình sự Việt Nam*, quyển 2 - Phần các tội phạm, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2008), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung luật hình sự*, tập 4, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, (Phần chung), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Lê Cẩm (2006), “Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (12).
9. Lê Cẩm (chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Lê Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2011), *Định tội danh (Lý luận, Lời giải mẫu và 500 bài tập)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Chí (1999), “Về chế định loại trừ trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (4), Hà Nội.

13. Đặng Văn Doãn (1983), *Về vấn đề phòng vệ chính đáng*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
14. Đại học Huế (2001), *Giáo trình luật hình sự phân chung*, Nxb Giáo dục.
15. Đinh Bích Hà (dịch) (2007), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), “Luật hình sự Việt Nam - Sự phát triển trong 20 năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Luật học*, (01).
18. Nguyễn Ngọc Hòa (2014), “Xây dựng và chuẩn hóa các thuật ngữ luật hình sự phục vụ sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật hình sự”, *Đề tài khoa học cấp bộ*, Bộ Tư pháp, tr.14.
19. Nguyễn Ngọc Hòa; Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
20. Học viện cảnh sát nhân dân (2011), *Giáo trình luật hình sự phân chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Hội đồng Nhà nước (1989), *Pháp lệnh lực lượng cảnh sát nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
22. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 05/01/1986 hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
23. Hoàng Văn Hùng (1996), “Một vài suy nghĩ về phòng vệ chính đáng”, *Tạp chí Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
24. Hoàng Văn Hùng (1999), *Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

25. Phạm Mạnh Hùng (2005), “Phân biệt tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, *Tạp chí Kiểm sát*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
26. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2000), “Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Hà Nội.
27. Khoa luật - ĐH Quốc gia (2007), *Giáo trình luật hình sự phần chung*, Nxb ĐH Quốc Gia, Hà Nội.
28. Nguyễn Duy Lãm (2001), *Từ điển thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb đại học quốc gia, Hà Nội.
29. Nguyễn Đình Lộc (2000), “Bộ luật hình sự mới và những vấn đề quan tâm”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Chuyên đề về Bộ luật hình sự năm 1999, (3), Hà Nội.
30. Minh Lương (2007), “Tình tiết giảm nhẹ định tội trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (20).
31. Ưông Chu Lưu (2000), “Những điểm sửa đổi, bổ sung cơ bản trong Phần chung Bộ luật hình sự”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (chuyên đề về Bộ luật hình sự năm 1999), Hà Nội.
32. Ưông Chu Lưu (chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
33. Trần Văn Luyện (2001), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Nguyễn Đức Mai (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Vũ Văn Mẫu (1971), *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, Nxb Sài Gòn.
36. Vũ Văn Mẫu (1975), *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử*, Nxb Sài Gòn.

37. Vũ Thị Tố Nga (2006), “Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”, *Tạp chí Kiểm sát*, (7), Hà Nội.
38. Phòng tuyên truyền, Tòa án nhân dân tối cao (1963), *Nguyên tắc hình luật xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
39. Đinh Văn Quế (1998), *Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Đinh Văn Quế (1999), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
42. Đinh Văn Quế (2001), “Một số vấn đề về nguyên tắc xử lý quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11).
43. Đinh Văn Quế (2009), “Một số vấn đề về phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (17).
44. Đinh Văn Quế (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, tập 1, Nxb Lao Động, Hà Nội.
45. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia.
46. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Quốc hội (2015), *Dự thảo sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
48. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1957), *Luật đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân*, Hà Nội.
49. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Việt Nam 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)*, Hà Nội.

50. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
51. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Giang Sơn (2011), “Phòng vệ chính đáng theo luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (8), Hà Nội.
53. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.
54. Toà án nhân dân các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), *Báo cáo tổng kết các năm*.
55. Tòa án nhân dân tối cao (1970), *Bản tổng kết số 452-SL ngày 10/6/1970 về thực tiễn xét xử tội giết người*, Hà Nội.
56. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa Luật lệ về hình sự*, Tập 1, Hà Nội.
57. Tòa án nhân dân tối cao (1978), *Hệ thống hóa Luật lệ về hình sự*, Tập 2, Hà Nội.
58. Tòa án nhân dân tối cao (1980), *Chỉ thị số 73-CT/TANDTC ngày 02/06/1980*, Hà Nội.
59. Tòa án nhân dân tối cao (1983), *Chỉ thị số 07-CT/TANDTC ngày 22/12/1983 về việc xét xử các hành vi xâm phạm tính mạng hoặc sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ*, Hà Nội.
60. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb công an nhân dân, Hà Nội.
61. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình luật hình sự Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
62. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

63. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (2011), *Pháp lệnh số: 16/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 về việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.
64. Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông (2010 - 2014), *Báo cáo tổng kết các năm*.
65. Viện Nhà nước và pháp luật (2011), *Bình luật Bộ luật hình sự*, Nxb Lao động, Hà Nội.
66. Viện sử học (2013), *Quốc triều hình luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
67. Viện Sử học Việt Nam (1991), *Quốc triều Hình luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
68. Trịnh Tiến Việt (2013), “Chế định loại trừ trách nhiệm hình sự và những vấn đề đặt ra khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, (chuyên san Luật học), Hà Nội.
69. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Nguyễn Như Ý (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin.